

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.



BẢN CÁO BẠCH QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG DC (DCBA)

Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng:

Số 233 /GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 18/06/2026

Loại hình Quỹ:

Quỹ đại chúng dạng mở

Ngày đăng ký Bản cáo bạch với UBCKNN:

Ngày 12/05/2026

Thời hạn hiệu lực của Bản cáo bạch:

Bản cáo bạch này được cập nhật và có hiệu lực kể từ ngày 10/07/2026

Bản cáo bạch có thể được cập nhật khi phát sinh các thông tin quan trọng hoặc có thể được cập nhật định kỳ một (01) năm/một (01) lần.

Tiêu đề của Bản cáo bạch:

Bản cáo bạch Quỹ Đầu Tư Cân Bằng DC (DCBA)

Thông cáo nội dung sau:

Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với UBCKNN ngày 12/05/2026

Nơi cung cấp Bản cáo bạch và các báo cáo định kỳ:

Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ và báo cáo tài chính được cung cấp tại các địa chỉ sau dưới hình thức bản sao giấy hoặc định dạng văn bản điện tử:

- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489
Trang thông tin điện tử: www.dragoncapital.com.vn
- Địa điểm đăng ký của các Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ DCBA theo danh sách tại Phụ Lục 1 của Bản cáo bạch này.

Phu trách công bố thông tin:

Ông LÊ HOÀNG ANH — Quyền Giám đốc, Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489



THÔNG TIN VÀ KHUYẾN NGHỊ QUAN TRỌNG

Dưới đây là những thông tin quan trọng dành cho Nhà đầu tư trước khi thực hiện việc đăng ký mua chứng chỉ Quỹ Đầu Tư Cân Bằng DC – sau đây gọi tắt là Quỹ (như được định nghĩa chi tiết hơn tại Chương II của Bản cáo bạch này). Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do bên môi giới, Đại lý Phân phối hoặc bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ hoặc người đại diện của Quỹ hoặc Công ty Quản lý quỹ. Không một tổ chức/cá nhân nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và các văn kiện đính kèm. Chứng chỉ Quỹ được phát hành dựa trên những thông tin và cam kết được công bố trong Bản cáo bạch. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hoặc phát hành Chứng chỉ Quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không ám chỉ việc sẽ không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ sau ngày Bản cáo bạch này có hiệu lực.

Bản cáo bạch này không được xem là việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ tổ chức/cá nhân nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được cho phép hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ tổ chức/cá nhân nào là đối tượng không được phép chào bán hoặc thuyết phục theo quy định pháp luật của quốc gia đó. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối Chứng chỉ Quỹ ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi pháp luật của quốc gia đó.

Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ có trách nhiệm cập nhật, tìm hiểu (bao gồm cả việc tham khảo ý kiến chuyên gia) để nắm rõ và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nêu trên cùng với các chính sách, quy định tại quốc gia mà Nhà đầu tư cư trú, có quốc tịch hoặc quốc gia có thẩm quyền tài phán đối với Nhà đầu tư trên cơ sở khác mà có thể điều chỉnh việc mua, bán và nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Các chính sách, quy định này có thể là về quản lý ngoại hối, thuế hoặc các lĩnh vực khác.

Nhà đầu tư cần đọc kỹ (i) Bản cáo bạch này, (ii) Điều lệ Quỹ và (iii) các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ được Công ty Quản lý quỹ và các Đại lý Phân phối do Công ty Quản lý quỹ chỉ định cung cấp, được nêu trong Bản cáo bạch này và được cung cấp trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ trước khi đầu tư vào Quỹ; và nên chú ý đến các khoản giá dịch vụ khi giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng:

- Giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ có thể thay đổi phụ thuộc vào tình hình thị trường và Nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư vào Quỹ;
- Các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong Bản cáo bạch hoặc trong các tài liệu khác nêu trên chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho Nhà đầu tư; và
- Nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	1
1.	Công ty Quản lý quỹ	1
2.	Ngân hàng Giám sát	1
II.	CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA	1
III.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ	5
1.	Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư	5
IV.	THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	7
1.	Các thông tin chung về Công ty Quản lý quỹ	7
2.	Tình hình hoạt động của Công ty Quản lý quỹ	10
V.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	10
VI.	CÔNG TY KIỂM TOÁN	11
VII.	ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	11
VIII.	TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	12
1.	Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị quỹ	12
2.	Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng	12
IX.	CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ	12
1.	Thông tin chung về Quỹ	12
2.	Tóm tắt Điều lệ Quỹ	13
3.	Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	13
X.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO	15
1.	Căn cứ pháp lý	15
2.	Phương án phát hành lần đầu	16
3.	Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo	20
4.	Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ	30
5.	Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào Quỹ và thực hiện giao dịch	37
XI.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	37
1.	Báo cáo tài chính	37
2.	Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ	37
3.	Giá dịch vụ	37
4.	Các chỉ tiêu hoạt động	39
5.	Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân phối lợi nhuận	40
6.	Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ	41
XII.	XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	41
XIII.	CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	41
XIV.	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ	41
XV.	CAM KẾT	42
XVI.	PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	42
1.	Phụ Lục 1. Danh sách các Đại Lý Phân Phối chính thức của Quỹ	44
1.	CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)	44
2.	Phụ Lục 2. Quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch Chứng Chỉ Quỹ	45
1.	Mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ	45
2.	Giao dịch Chứng chỉ Quỹ	45
3.	Phụ Lục 3. Tóm tắt Điều Lệ	47
1.	Các điều khoản chung	47
2.	Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư	47
3.	Đặc trưng của Chứng chỉ Quỹ	52
4.	Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ	53
5.	Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ	54
6.	Nguyên tắc xác định giá giao dịch Đơn vị Quỹ	54
7.	Các mức giá dịch vụ do Nhà đầu tư trả	55
8.	Thông tin về các mức giá dịch vụ mà Quỹ phải trả	55
9.	Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế	56
10.	Đại hội Nhà đầu tư	56
11.	Ban đại diện Quỹ	57
12.	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ	58
13.	Tiêu chuẩn lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát	59
14.	Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo	60

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty Quản lý quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

- Ông DOMINIC TIMOTHY CHARLES SCRIVEN — Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông LÊ ANH TUẤN — Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông NGUYỄN NGỌC HIỆP — Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng Giám sát

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Đại diện theo pháp luật: Bà NGUYỄN THÚY HẠNH

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM) lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan cung cấp.

Ngân hàng Giám sát chỉ xác nhận các thông tin có liên quan đến Ngân hàng Giám sát trong Bản cáo bạch này và chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát Quỹ giữa Ngân hàng Giám sát với Công ty Quản lý quỹ và theo quy định pháp luật.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Các thuật ngữ được viết hoa dùng trong suốt Bản cáo bạch này sẽ có nghĩa như sau:

"Bản cáo bạch"	Là bản cáo bạch này (bao gồm cả phụ lục đính kèm) là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng chỉ Quỹ.
"Ban đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát.
"Chứng chỉ Quỹ"	Là loại chứng khoán do Công ty Quản lý quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 Chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
"Công ty Kiểm toán"	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
"Công ty Quản lý quỹ" hoặc "DCVFM"	Là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009, Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/12/2020 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm), và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh

	<p>ng nghiệp số 0302991607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/01/2009 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm), với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty Quản lý quỹ được Nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Quỹ.</p>
“Dịch vụ Quản trị quỹ”	<p>Là dịch vụ quản trị Quỹ được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ; - Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ Công ty Kiểm toán trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ; - Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và hợp đồng ký với Công ty Quản lý quỹ.
“Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng”	<p>Là dịch vụ đại lý chuyển nhượng được Công ty Quản lý quỹ tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập và quản lý Sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ, tài khoản ký danh của Đại lý Phân phối và các tiểu khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật Sổ chính; - Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư; - Duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, Đại lý Phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch, báo cáo hoạt động Quỹ và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng ký với Công ty Quản lý quỹ.
“Đại hội Nhà đầu tư”	<p>Là đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.</p>
“Đại lý Ký danh”	<p>Là Đại lý Phân phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư tại Sở phụ.</p>
“Đại lý Phân phối”	<p>Là tổ chức đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ và đã ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Công ty Quản lý quỹ. Danh sách các Đại lý Phân phối được đính kèm tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch.</p>
“Điều lệ Quỹ”	<p>Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan tại Việt Nam.</p>

"Đơn vị Quỹ"	Là Vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi Đơn vị Quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"FATCA"	Là đạo luật tuân thủ thuế đối với các tài khoản nước ngoài của Hoa Kỳ.
"Giá bán" hoặc "Giá phát hành"	Là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Đơn vị Quỹ, được xác định theo Điều lệ Quỹ.
"Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi bán một Đơn vị Quỹ cho Quỹ, được quy định tại Điều lệ Quỹ, như được tóm tắt tại Điều X.3.5 Chương X của Bản cáo bạch này.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Đơn vị Quỹ, được quy định tại Điều lệ Quỹ, như được tóm tắt tại Điều X.3.6 Chương X của Bản cáo bạch này.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ, được quy định tại Điều lệ Quỹ, như được tóm tắt tại Điều XI.3.1 Chương XI của Bản cáo bạch này.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà Công ty Quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một Đơn vị Quỹ, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại.
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ" hoặc "NAV"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định giá.
"Hợp đồng Giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư.
"KYC"	Là nhận biết khách hàng.
"Ngân hàng Giám sát"	Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), một ngân hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK ngày 07/05/2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm), thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ" hoặc "Ngày Giao dịch"	Là ngày mà Công ty Quản lý quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ từ Nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ/Bản cáo bạch này.
"Ngày Định giá"	Là ngày mà Công ty Quản lý quỹ xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ, được quy định tại Điều lệ Quỹ.
"Ngày làm việc"	Là ngày không phải là thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ.
“Người có liên quan”	Như được định nghĩa theo khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực ngày 01/01/2021 (như được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm).
“PCRT”	Là phòng chống rửa tiền.
“Quỹ”	Là Quỹ Đầu Tư Cân Bằng DC, là quỹ mở, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
“Sở Giao dịch Chứng khoán”	Là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
“Sổ chính”	Là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về Nhà đầu tư do Công ty Quản lý quỹ hoặc Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng lập và quản lý.
“Sổ đăng ký Nhà đầu tư”	Là Sổ chính và/hoặc Sổ phụ.
“Sổ phụ”	Là sổ ghi nhận các thông tin về Nhà đầu tư do Đại lý Ký danh lập và quản lý theo ủy quyền của Công ty Quản lý quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối nhận lệnh giao dịch Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, được quy định tại Điều X.3.9 Chương X của Bản cáo bạch này.
“Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng”	Là tổ chức cung cấp dịch vụ được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền thực hiện Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng, có thông tin được nêu tại Điều VIII.2 Chương VIII của Bản cáo bạch này.
“Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị quỹ”	Là tổ chức cung cấp dịch vụ được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền thực hiện Dịch vụ Quản trị quỹ, có thông tin được nêu tại Điều VIII.1 Chương VIII của Bản cáo bạch này.
“UBCKNN”	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng.
“Mức phòng vệ thanh khoản”	là mức áp dụng đối với Nhà đầu tư khi thực hiện bán Chứng chỉ Quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của Quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng.
Các thuật ngữ khác	Các thuật ngữ khác được dùng mà không được định nghĩa (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên có quan.



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam
 Số 100 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Kinh tế vĩ mô của Việt Nam bước sang năm 2026 với nền tảng tích cực nhờ hoạt động thương mại tăng trưởng mạnh mẽ, giải ngân đầu tư công tăng tốc và lạm phát hạ nhiệt.

Kim ngạch Xuất Khẩu và Kim ngạch Nhập Khẩu tháng 2/2026 tăng lần lượt 5,7% và 4,4% nhờ thương mại các sản phẩm điện tử với Mỹ và Trung Quốc mạnh mẽ. Theo đó, thương mại tăng trưởng lần lượt 18,3% và 26,3% trong 2 tháng đầu năm 2026, và tăng lần lượt 18,3% và 26,3% so với cùng kỳ. Tăng trưởng sản xuất cũng được hỗ trợ với chỉ số PMI tăng lên 54,3 trong tháng 2, mức cao nhất trong 4 tháng, cho thấy sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và niềm tin kinh doanh cải thiện. Tuy nhiên, nhu cầu trong nước tiếp tục có dấu hiệu suy yếu với doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ giảm 1,5% so với tháng trước trong tháng 2, bất chấp kỳ nghỉ Tết thường chi tiêu mạnh hơn, tương đương tăng trưởng so với cùng kỳ hạ nhiệt xuống 8,5% trong tháng 2 và 7,9% trong 2 tháng đầu năm 2026.

Trong khi đó, đầu tư công cũng tăng trưởng chậm lại, với đầu tư từ ngân sách nhà nước chỉ tăng 0,4% so với cùng kỳ trong tháng 2, và tăng 11,5% so với cùng kỳ trong 2 tháng đầu năm 2026, thấp hơn đáng kể so với mức tăng 24,6% cùng kỳ năm ngoái, cho thấy kế hoạch chi tiêu của Chính phủ khởi đầu chậm hơn.

Đối với hoạt động quốc tế, FDI thực hiện vẫn ổn định, tăng 8,8% so với cùng kỳ trong 2 tháng đầu năm 2026, mặc dù FDI đăng ký giảm 12,6% so với cùng kỳ do góp vốn & mua cổ phần và vốn bổ sung cho các dự án hiện hữu sụt giảm.

Ngoài ra, cán cân thương mại của Việt Nam thâm hụt 3 tỷ USD trong 2 tháng đầu năm 2026, trong khi đồng VND mất giá nhẹ trong bối cảnh đồng USD mạnh lên trong tháng 2. Tình hình nhu cầu suy yếu trái ngược với xu hướng gia tăng của lạm phát, tăng tốc lên 3,35% so với cùng kỳ trong tháng 2, chủ yếu do giá lương thực và thực phẩm. Giá dầu đã vượt mức 100 USD/thùng trong thời điểm đầu tháng 3 giữa lúc căng thẳng leo thang giữa Mỹ, Israel & Iran, nếu giá dầu tăng trong thời gian dài sẽ khiến lạm phát vượt dự báo năm 2026 (3,9%) do giá nhóm nhiên liệu chiếm khoảng 4% giỏ CPI, trong đó giá dầu tăng bình quân 25% có thể đóng góp tăng khoảng 1 điểm phần trăm cho lạm phát. Điều này cũng làm tăng nguy cơ lạm phát vượt mức trần 4,5% của Chính phủ, có khả năng khiến NHNN phải thắt chặt chính sách tiền tệ.

Tổng kết, các điều kiện kinh tế vĩ mô có thể trở nên khó khăn hơn, cho thấy tăng trưởng GDP Q1/2026 có thể khó vượt mức mục tiêu (7.5%), cùng với rủi ro không hoàn thành mục tiêu tăng trưởng 8% của Chính phủ trong Q1/2026 và 10% năm 2026.

Chính phủ Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ và tài khóa ổn định

Chính phủ đã có những chính sách và hành động quyết liệt ngay trong giai đoạn đầu năm 2026. Với chủ trương duy trì chính sách tiền tệ ổn định, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã giao hạn mức tín dụng cho các ngân hàng thương mại với định hướng tăng trưởng cả hệ thống năm 2026 là 15%. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã đưa ra định hướng sẽ không thay đổi lãi suất điều hành trong quý I năm 2026, mặc dù các ngân hàng thương mại tiếp tục gia tăng lãi suất huy động và cho vay.

Chính sách tài khóa năm 2026 - thực thi là chia khoá

Bước vào năm 2026, Việt Nam sở hữu dư địa tài khóa dồi dào và bằng cân đối ngân sách lành mạnh hàng đầu khu vực. Việc Quốc hội cho phép Chính phủ được sửa đổi các luật và nghị quyết liên quan đến tăng trưởng từ đầu năm 2027 mang lại sự linh hoạt và chủ động trong thực thi chính sách. Thách thức lớn nhất không nằm ở năng lực tài khóa, mà ở hiệu quả triển khai. Giải ngân nhanh và đúng mục đích nguồn vốn đầu tư công – đặc biệt trong hạ tầng, năng lượng và logistics sẽ là yếu tố then chốt giúp duy trì tốc độ tăng trưởng vượt tiềm năng.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Thị trường chứng khoán năm 2026

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 khởi đầu với tâm lý đầy lạc quan khi trước ngưỡng cửa của một chu kỳ tăng trưởng mới. Chỉ số VN-Index đã phục hồi 55% so với đáy tháng 4/2025 và đang hướng tới năm tăng điểm thứ ba liên tiếp. Việc chuyển đổi trạng thái từ phục hồi hậu khủng hoảng sang tăng trưởng bền vững đang diễn ra rõ nét, với sự đồng hành của nhà đầu tư trong nước, giúp cải thiện thanh khoản, cùng những bước đi mạnh mẽ của quá trình cải cách thể chế.

Năm 2026 đánh dấu năm đầu tiên của Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm (2026–2030), đồng thời cũng có thể là chu kỳ chính sách tham vọng nhất trong lịch sử của Việt Nam. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 10%, thể hiện quyết tâm rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực và tiến gần hơn đến nhóm quốc gia thu nhập trung bình cao trong thập kỷ tới. Với đà cải cách đang đẩy mạnh và chính sách điều hành ngày càng linh hoạt, năm 2026 có thể trở thành bước ngoặt đột phá nếu quá trình thực thi được triển khai hiệu quả.

Phát triển Thị trường Vốn Việt Nam: Từ Cận biên đến Thị trường Mới nổi

Song song với tiến trình cải cách thể chế toàn diện, thị trường vốn Việt Nam đang trải qua một giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ. Nỗ lực hướng tới nâng hạng lên Thị trường Mới nổi theo tiêu chuẩn của FTSE Russell thể hiện rõ quyết tâm của Chính phủ trong việc hội nhập sâu hơn với chuẩn mực quốc tế và thu hút dòng vốn tổ chức dài hạn. Việc được FTSE nâng hạng không chỉ mang tính biểu tượng mà còn đánh dấu bước ngoặt cấu trúc trong mô hình tăng trưởng của Việt Nam. Với tỷ lệ tín dụng/GDP tiệm cận 140%, nền kinh tế không thể mãi dựa vào hệ thống ngân hàng như kênh cung vốn chủ đạo. Việc phát triển thị trường vốn sâu rộng hơn sẽ giúp đa dạng hóa kênh huy động, phân tán rủi ro, và huy động nguồn vốn dài hạn cho đầu tư hạ tầng, đổi mới sáng tạo và mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Chủ đề đầu tư và triển vọng ngành

Bước sang năm 2026, câu chuyện của thị trường Việt Nam đang chuyển từ giai đoạn phục hồi trên diện rộng sang giai đoạn dẫn dắt có chọn lọc. Năm 2026 được dự báo sẽ là thời điểm dành cho các nhà đầu tư tập trung vào sức bền lợi nhuận, kỷ luật định giá và các động lực tăng trưởng mang tính toàn diện, thay vì chỉ chạy theo đà tăng ngắn hạn. Ngành ngân hàng tiếp tục đóng vai trò trụ cột của thị trường, được hỗ trợ bởi tăng trưởng tín dụng vững chắc và lợi nhuận khả quan. Nhóm tiêu dùng và bán lẻ được kỳ vọng phục hồi nhờ thu nhập khả dụng tăng. Các chủ đề bất động sản và hạ tầng vẫn duy trì sức hấp dẫn nhờ đầu tư công. Nhóm phân bón và hóa chất ghi nhận đà tăng trưởng ổn định, trong khi ngành công nghệ thông tin dẫn đầu bởi FPT đang hồi phục sau giai đoạn điều chỉnh. Các công ty chứng khoán tiếp tục hưởng lợi từ thanh khoản thị trường dồi dào. Năm 2026 sẽ không còn là giai đoạn “nước lên thuyền lên”, mà sẽ là môi trường đầu tư của những nhà đầu tư chọn lọc cổ phiếu, ưu tiên chất lượng hơn là động lượng.

Rủi ro và các yếu tố cần theo dõi

Mặc dù triển vọng năm 2026 nhìn chung là tích cực, nhưng vẫn có một số mất cân đối ngắn hạn có thể ảnh hưởng đến tâm lý thị trường. Dư nợ cho vay ký quỹ ở mức cao làm gia tăng rủi ro biến động khi tâm lý nhà đầu tư cá nhân thay đổi. Chu kỳ bất động sản dù đang ổn định nhưng có thể ghi nhận nhu cầu chậm lại, ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng đối với hệ thống ngân hàng. Đối với thị trường quốc tế, căng thẳng thương mại và sự dịch chuyển dòng vốn có thể tạo sức ép lên khu vực xuất khẩu và tỷ giá VND. Việc triển khai các cải cách cũng cần được theo dõi sát sao, trong bối cảnh hiện tại nhìn chung tiến độ vẫn đi đúng hướng. Nhìn chung, các rủi ro hiện hữu được đặt trong bối cảnh nền tảng kinh tế – thị trường đang củng cố sức mạnh, giúp hạn chế tác động tiêu cực ngắn hạn. Những nhịp điều chỉnh là điều tự nhiên trong giai đoạn đầu của thị trường giá lên, góp phần củng cố nền tảng tăng trưởng. Với định giá vẫn ở mức hấp dẫn và các yếu tố nâng hạng còn nguyên hiệu lực, triển vọng trung hạn của thị trường tiếp tục được đánh giá tích cực.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý quỹ

1.1 Thông tin cơ bản

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009 và Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/12/2020, và các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302991607 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/01/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/10/2025.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489
- Thời hạn hoạt động (nếu có): 50 năm kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập và hoạt động
- Vốn điều lệ: 312.011.430.000 đồng

1.2 Thông tin về cổ đông của Công ty Quản lý quỹ:

Các cổ đông của Công ty Quản lý quỹ khi thành lập năm 2003:

Tên cổ đông	Giá trị góp vốn pháp định theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	5.600.000.000	70,00%
Dragon Capital Management Limited	2.400.000.000	30,00%
	8.000.000.000	100,00%

Các cổ đông của Công ty Quản lý quỹ sở hữu từ 5% trở lên vốn điều lệ tại 20/01/2026:

Tên cổ đông	Giá trị góp vốn theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Dragon Capital Markets (Europe) Limited	149.773.410.000	48,00254
Dragon Capital Investment Management Limited	124.641.180.000	39,94763

1.3 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên)

1.3.1 Ông Dominic Timothy Charles Scriven — Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT)

Ông Dominic Scriven Timothy Charles Scriven, quốc tịch Anh tốt nghiệp đại học Exeter University với hai bằng đại học chuyên ngành Luật và Xã hội học. Sau thời gian làm việc trong lĩnh vực tài chính ở London và Hongkong, ông đồng sáng lập và điều hành công ty Dragon Capital, công ty quản lý tài sản lớn nhất Việt Nam trong hơn 30 năm qua. Ông được trao tặng Huân Chương OBE từ Nữ Hoàng Anh năm 2006 và Huân Chương Lao Động của Chủ tịch Nước Việt Nam vào năm 2014. Trong lĩnh vực kinh doanh, ông là người tích cực thúc đẩy phát triển thị trường tài chính, quản trị tốt và đặc biệt chú trọng vào sự bền vững của nguồn vốn tự nhiên. Năm 2019, ông đã tài trợ dự án “Nghiên cứu Kinh tế đa dạng sinh học Dragon Capital tại trường đại học Exeter, Anh Quốc”. Về cá nhân, ông rất thích và đam mê sưu tập bảo tồn tranh ảnh nghệ thuật Việt Nam đến các lĩnh vực đa dạng sinh học cũng như nỗ lực ngăn chặn việc mua bán trái phép động vật hoang dã.

Vào tháng 12/2020, ông Dominic Scriven Timothy Charles Scriven được chính thức đề cử làm chủ tịch HĐQT Công ty DCVFM.

1.3.2 Ông Trần Thanh Tân — Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Thanh Tân tốt nghiệp Thạc sĩ quản trị của Trường Université Libre de Bruxelles (ULB, Bỉ). Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm trong phân tích đầu tư, tư vấn cổ phần hóa, phát triển thị trường vốn và đóng góp đáng kể vào việc xây dựng & phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam. Ông tham gia đồng sáng lập Công ty Dragon Capital năm 1994 và giữ chức vụ Giám Đốc phụ trách đầu tư và thị trường vốn cho đến năm 2003 và tham gia nắm giữ nhiều vị trí quản trị cao cấp tại nhiều công ty cổ phần. Hiện nay, ông là Thành viên Hội Đồng Quản Trị và sáng lập viên của Dragon Capital Group đang quản lý hơn 5 tỷ USD, đầu tư vào khu vực kinh tế tư nhân & công ty cổ phần hóa.

Ông được Ủy Ban Nhân Dân Tp. HCM trao tặng bằng khen “Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu” và “Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu” nhân ngày doanh nhân Việt Nam trong những năm vừa qua. Ông là Thành viên Thường trực Câu lạc bộ các công ty niêm yết, Thành viên Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán và Chủ tịch Câu lạc bộ quản lý quỹ ở Việt Nam.

Vào tháng 12/2020, ông Trần Thanh Tân được chính thức đề cử làm Phó chủ tịch HĐQT Công ty DCVFM.

1.3.3 Ông Lê Anh Minh — Thành viên HĐQT

Ông Lê Anh Minh tốt nghiệp cử nhân ngành Quản Trị và Kinh Tế của Đại học Ngân hàng Việt Nam năm 1991. Sau đó, ông bắt đầu làm việc với công ty Peregrine Capital Việt Nam chịu trách nhiệm phần tài chính công ty và mảng đầu tư của các tổ chức tài chính. Trong thời gian đó, ông đã hoàn thành việc tiếp quản lần đầu tiên tại Việt Nam một ngân hàng thương mại địa phương (Ngân hàng Đại Nam). Sau đó, được sự bổ nhiệm của Peregrine, ông đã thành công trong việc tái cơ cấu ngân hàng Đại Nam trong vòng 1 năm. Ông đã từng giám sát bộ phận Phát triển kinh doanh và phòng Tín dụng với chức danh Phó tổng Giám đốc Ngân hàng Đại Nam từ 1994 – 1996. Sau khi hoàn tất chương trình học thạc sĩ tại Trường Kinh doanh Wharton, Đại học Pennsylvania theo chương trình Fulbright (Hoa Kỳ) năm 1998, ông trở về Việt Nam và làm việc cho tập đoàn Coca Cola Đông Nam Á với chức vụ Giám đốc Tài chính trong 4 năm. Ông Minh gia nhập Dragon Capital vào năm 2002 với vị trí Giám đốc Tài chính và được bổ nhiệm làm Giám đốc Điều hành năm 2015. Ông đã rời vị trí này vào tháng 12 năm 2017 để tiếp tục nghiên cứu bậc tiến sĩ về kinh doanh. Ông Minh hiện là thành viên HĐQT Công ty DCVFM và Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC).

1.3.4 Ông Beat Schurch — Thành viên HĐQT

Ông Beat Schurch tốt nghiệp thạc sĩ ngành kinh tế tại Đại học St. Gallen, Thụy Sĩ vào năm 1992 và sau đó làm việc tại khu vực Đông Nam Á. Ông làm việc cho các công ty thương mại và sản xuất của Thụy Sĩ khắp khu vực Đông Nam Á trong 10 năm. Ông chuyển từ lĩnh vực marketing và dự án sang quản lý và điều hành trong các lĩnh vực đa dạng như năng lượng, chăm sóc sức khỏe, hóa chất, sản phẩm tiêu dùng và linh kiện máy móc. Năm 2002, ông sang Thái Lan làm Trưởng bộ phận tư vấn đầu tư của Synovate. Năm 2006, ông làm việc cho Indochina Capital Group tại Việt Nam ở vị trí Giám đốc tài chính và sau đó trở thành Giám đốc Điều hành của Đơn vị Kinh doanh nguồn vốn của Indochina Capital Group. Năm 2010, ông gia nhập Dragon Capital Group với vị trí Giám đốc Điều hành và được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc vào tháng 12/2017. Từ tháng 12/2020, ông là thành viên HĐQT Công ty DCVFM và là Tổng Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty DCVFM. Từ tháng 10/2025, ông Beat rời vị trí Tổng Giám đốc và tập trung cho nhiệm vụ của thành viên HĐQT.

1.3.5 Ông Johan Nyvene (Nguyễn Quốc Huân) — Thành viên độc lập HĐQT

Ông Johan Nyvene được bầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) từ tháng 04/2021. Ông có hơn 13 năm gắn bó với HSC trong cương vị là Tổng Giám đốc và là thành viên HĐQT tham gia điều hành từ 2007 đến tháng 03/2020. Trong suốt thời gian này, ông đã thực hiện nhiều đổi mới, đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững cho HSC. Dưới sự lãnh đạo của ông, HSC đã phát triển lớn mạnh, trở thành một trong những công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam. Trước đó, ông từng là người thành lập và điều hành Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán của Ngân hàng HSBC Việt Nam. Ông đã trải qua 9 năm đầu trong sự nghiệp tài chính của mình với các vị trí chuyên viên phân tích và chuyên viên ngân hàng, phụ trách các thị trường Đông Nam Á tại Ngân hàng CoreStates First Union, Mỹ. Từ tháng 12/2020, ông là thành viên HĐQT Công ty DCVFM.

1.3.6 Ông Roberts Nicholas Lloyd — Thành viên độc lập HĐQT

Với hơn 25 năm kinh nghiệm về đầu tư, ông Roberts Nicholas Lloyd được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT độc lập của DCVFM từ tháng 4/2025. Bắt đầu sự nghiệp quản lý quỹ tại Vương quốc Anh, ông quản lý danh mục trong nhóm định chế tài chính của Mercury Asset Management (MAM), sau đó trở thành Giám đốc Điều Hành của Merrill Lynch Investment Managers (MLIM) sau khi MAM được mua lại. Năm 2008, ông gia nhập đội ngũ Đầu tư Cổ phiếu chủ đề toàn cầu tại Sarasin & Partners, trở thành đối tác của công ty và đứng đầu mảng kinh doanh tổ chức quốc tế. Hiện tại, tại Troy Asset Management, Roberts Nicholas Lloyd chịu trách nhiệm phát triển mảng kinh doanh tổ chức ở Anh và quốc tế. Ông Roberts Nicholas Lloyd có bằng Cử nhân danh dự từ Đại học Exeter và đã hoàn thành chương trình Thạc sĩ Công nghệ Môi trường tại Imperial College, London. Ông sở hữu chứng chỉ ASIP và là thành viên liên kết của Hiệp hội CFA tại Vương quốc Anh.

1.4 Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ:

Ông Lê Anh Tuấn — Tổng Giám Đốc, người đại diện theo pháp luật

TS. Lê Anh Tuấn hiện là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) hạng xuất sắc tại Đại học Willamette và Tiến sĩ Kinh tế học tại Đại học Bang Pennsylvania (Hoa Kỳ). Kể từ khi gia nhập Dragon Capital vào năm 2008, TS. Tuấn đã đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo cấp cao như Kinh tế trưởng, Trưởng phòng Nghiên cứu, Phó Giám đốc Đầu tư và Giám đốc Đầu tư. Ông cũng từng là Đồng Quản lý Danh mục Chào bán lần đầu/Phát hành riêng lẻ và là thành viên các Ủy ban Đầu tư của các quỹ cổ phiếu và trái phiếu. Ông đã dẫn dắt nhiều sáng kiến chiến lược và dự án hỗ trợ kỹ thuật phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước và Bộ Tài chính, đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam. Tháng 10/2025, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc DCVFM.

1.5 Giới thiệu Ban điều hành Quỹ

1.5.1 Bà Lương Thị Mỹ Hạnh — Người điều hành Quỹ

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh tốt nghiệp hạng ưu trường Đại học Kinh tế, ngành Quản trị Kinh doanh. Ngoài việc tham gia các chương trình huấn luyện về đầu tư chứng khoán, quản trị ở trong và ngoài nước, bà vinh dự là thành viên của Hiệp hội CFA. Năm 2012, bà Hạnh tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Gloucestershire (Anh Quốc).

Bà Hạnh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính, 3 năm kinh nghiệm về tài chính kiểm toán tại Công ty TNHH KPMG. Tham gia vào Công ty DCVFM vào những ngày đầu thành lập, bà Hạnh đã đảm nhiệm nhiều vị trí từ Chuyên viên Nghiên cứu, Quản lý Danh mục Đầu tư, đến các vị trí lãnh đạo cấp cao như Giám đốc Đầu tư và Phó Tổng Giám đốc phụ trách phân tích và thực hiện các thương vụ đầu tư thành công cho các quỹ mà Công ty DCVFM quản lý. Năm 2005, bà Hạnh được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Quản lý danh mục đầu tư, phụ trách quản lý các hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1 - nay là Quỹ DCDS), đưa quỹ đầu tư VF1 thành quỹ trong nước có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất năm 2006 theo bảng tổng hợp và đánh giá của tổ chức LCF Rothschild. Bà Hạnh cũng là người khởi xướng và triển khai thành công các sản phẩm đầu tư mới cho thị trường Việt Nam, bao gồm quỹ mở và quỹ ETF nội địa đầu tiên. Kể từ khi ra mắt, các sản phẩm này đã thu hút dòng vốn đáng kể từ nhà đầu tư trong và ngoài nước, với tổng tài sản quản lý hiện đạt 1,5 tỷ USD.

Hiện nay, bà Hạnh đang là Giám đốc quản lý tài sản khối trong nước tại Công ty DCVFM.

1.5.2 Ông Diệp Quốc Khang — Người điều hành Quỹ

Ông Diệp Quốc Khang tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế và có bằng Thạc sĩ chuyên ngành Ngân hàng & Tài chính.

Với 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính, ông Khang hiện đang là Giám đốc Nghiệp vụ cấp cao, lĩnh vực Trái phiếu tại Công ty DCVFM. Trước khi gia nhập Công ty DCVFM, ông từng là chuyên gia giao dịch thị trường G-7 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) -

một ngân hàng thương mại nhà nước. Tại đây, ông phụ trách giao dịch các loại tiền tệ G-7 và thực hiện các nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro theo nhu cầu của khách hàng, chủ yếu dựa trên phân tích kỹ thuật. Trong vai trò hiện tại, ông Khang đảm nhiệm việc quản lý quỹ trái phiếu và thực hiện phân bổ tài sản cho nhóm khách hàng HNW. Bên cạnh kinh nghiệm quản lý quỹ chuyên sâu, ông còn tích cực tham gia hoạt động giảng dạy từ năm 2012 với vai trò giảng viên chuyên ngành Tài chính tại các trường đại học, đồng thời là chuyên gia giảng dạy trong các khóa học về Phân tích kỹ thuật. Ông Khang cũng là một tình nguyện viên tích cực của Hiệp hội CMT tại Việt Nam, đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Chi hội Việt Nam trong nhiều năm.

2. Tình hình hoạt động của Công ty Quản lý quỹ

Lưu ý: Các thông tin về hoạt động của Công ty Quản lý quỹ trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của Công ty Quản lý quỹ trong tương lai.

2.1 Tổng quan tình hình hoạt động của Công ty Quản lý quỹ

Năm	Doanh thu (VND)	Lợi nhuận (VND)
2021	877.751.966.089	250.143.377.193
2022	1.107.834.760.253	441.811.155.950
2023	1.017.167.909.020	293.946.967.460
2024	1.060.814.153.979	235.417.599.586
2025	1.075.083.947.514	116.995.300.837

Nguồn: Báo cáo tài chính DCVFM qua các năm

2.2 Các quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý

Các quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý:

STT	Tên quỹ	Loại hình quỹ
1.	Quỹ đầu tư Chứng Khoán Năng Động DC (DCDS)	Quỹ mở
2.	Quỹ đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức DC (DCDE)	Quỹ mở
3.	Quỹ đầu tư Trái phiếu DC (DCBF)	Quỹ mở
4.	Quỹ đầu tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cố định DC (DCIP)	Quỹ mở
5.	Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc (VFMVSF)	Quỹ mở
6.	Quỹ ETF DCVFMVN30	Quỹ hoán đổi danh mục (quỹ ETF)
7.	Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	Quỹ hoán đổi danh mục (quỹ ETF)
8.	Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP	Quỹ hoán đổi danh mục (quỹ ETF)
9.	Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện Phúc An	Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện
10.	Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện Thịnh An	Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện
11.	Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện Vĩnh An	Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện
12.	Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Một Kết Nối (DCOA)	Quỹ thành viên

Chi tiết về các quỹ có thể tham khảo tại mục Sản Phẩm tại trang thông tin điện tử www.dragoncapital.com.vn.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên ngân hàng: NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

- Giấy phép thành lập và hoạt động: số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký: Số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 và Phòng CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3936 8000 Fax: (84-24) 38378356
- Thời hạn hoạt động (nếu có): 99 năm kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2008
- Lĩnh vực hoạt động chính: Hoạt động ngân hàng thương mại, trong đó bao gồm huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ thanh toán, lưu ký chứng khoán và hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán
- Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của ngân hàng giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

DCVFM sẽ đề xuất ít nhất hai (02) trong ba (03) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn. Công ty Kiểm toán được lựa chọn sẽ thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ, để đảm bảo tính chính xác các số liệu báo cáo cho Nhà đầu tư. Công ty Kiểm toán dự kiến của Quỹ sẽ là:

- Tên công ty: **Công Ty TNHH PwC (Việt Nam)**
- Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100157406
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (+84 28) 3823 0796

hoặc

- Tên công ty: **Công Ty TNHH KPMG**
- Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100112042
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Hà Nội
- Điện thoại: +84 24 3946 1600

hoặc

- Tên công ty: **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**
- Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300811802
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 028 3824 5252 Fax: 028 3824 5250

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Chứng chỉ Quỹ sẽ được phân phối thông qua các Đại lý Phân phối được liệt kê tại Phụ Lục 1 của Bản cáo bạch này và trên trang thông tin điện tử của DCVFM.

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị quỹ

- Tên tổ chức được ủy quyền: **Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)**
- Thông tin của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) như được nêu tại Chương V của Bản cáo bạch này.
- Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại Hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty Quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị quỹ.
- Chi phí phải thanh toán và hình thức thanh toán: được quy định tại Điều lệ Quỹ, như được tóm tắt tại Điều XI.3.1 Chương XI của Bản cáo bạch này.
- Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty Quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

2. Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

- Tên tổ chức được ủy quyền: **Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 112 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Quyết Định số 26/2022/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ ngày 16/12/2022 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam
- Lĩnh vực hoạt động chính: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; cung cấp dịch vụ khác quy định tại Điều lệ Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam.
- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng, theo Hợp đồng dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng giữa DCVFM và Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam
- Chi phí phải thanh toán: được quy định tại Điều lệ Quỹ, như được tóm tắt tại Điều XI.3.1 Chương XI của Bản cáo bạch này.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

- | | |
|-------------------|--|
| - Tên Quỹ | QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG DC |
| - Tên tiếng Anh | DC BALANCED FUND |
| - Tên viết tắt | DCBA |
| - Địa chỉ liên hệ | Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam
Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489 |

1.2 Giấy chứng nhận đăng ký chào bán

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 233/KCN-VBCK do UBCKNN cấp ngày 18/06/2026 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

1.3 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực ngày 01/01/2021, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Quỹ.

Quỹ không giới hạn về thời hạn hoạt động.

2. Tóm tắt Điều lệ Quỹ

Điều lệ Quỹ tóm tắt được đính kèm tại Phụ Lục 3 của Bản cáo bạch này.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào một quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một tổ chức nào về việc quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra.

Đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoản thời gian dài. Các Nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà Nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ.

3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà Quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Điều này sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư của Quỹ. Rủi ro này thuộc rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty Quản lý quỹ. Tuy nhiên, rủi ro này được giảm thiểu với cơ chế chốt lỗ trước khi thị trường giảm quá sâu.

3.2 Rủi ro về lãi suất

Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của Quỹ như: trái phiếu công ty, trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu ưu đãi cổ tức... sẽ bị giảm giá trị, đặc biệt là những khoản đầu tư có thời gian đáo hạn dài. Công ty Quản lý quỹ do đó sẽ áp dụng các phương pháp đánh giá điều kiện kinh tế vĩ mô và xu hướng vận động của thị trường trái phiếu trong từng giai đoạn để đưa ra các quyết định phân bổ tài sản phù hợp.

3.3 Rủi ro lạm phát

Các khoản đầu tư của Quỹ có thể suy giảm do lạm phát. Nhìn chung, lạm phát tăng cao sẽ dẫn đến chi phí vay tăng khiến các doanh nghiệp giảm đầu tư từ đó có thể dẫn đến giảm tăng trưởng và giá trị doanh nghiệp. Đối với trái phiếu (là sản phẩm đầu tư có tỷ trọng lớn của Quỹ), lạm phát tăng cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu. Rủi ro này có thể được giảm thiểu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc ưu tiên nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi khi dự kiến lạm phát tăng cao.

3.4 Rủi ro thanh khoản của thị trường

Một trong những rủi ro của Quỹ là khả năng khi Quỹ có yêu cầu thanh lý tài sản đầu tư, hiệu quả của việc thanh toán các khoản đầu tư giảm do tính thanh khoản của các tài sản đầu tư thấp, do đó làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của Quỹ. Để hạn chế rủi ro này, Quỹ tập trung đầu tư vào các cổ phiếu, trái phiếu của các doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh tốt, có quy mô vốn lớn và vừa, có tính thanh khoản thị trường cao.

3.5 Rủi ro pháp lý

Từ khi Việt Nam chính thức phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường vào đầu thập niên 90, Chính phủ đã và đang hoàn thiện dần khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các hoạt động liên quan đến chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán được Chính phủ điều chỉnh trong các văn bản pháp lý ban hành vào năm 1998. Năm 2006,

trước sự bùng nổ của thị trường chứng khoán và việc gia nhập WTO của Việt Nam, nhiều văn bản pháp lý về thị trường chứng khoán đã được ban hành như Luật chứng khoán, các nghị định hướng dẫn, quy chế hoạt động... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ trong tương lai.

3.6 Rủi ro tín nhiệm (Rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác)

- (a) Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán của các loại chứng khoán nợ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho Quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc.
- (b) Tại Việt Nam hiện nay việc đánh giá hạn mức tín nhiệm của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế vẫn còn hạn chế và mới chỉ thực hiện ở các tổ chức lớn, do các tổ chức trung gian của nước ngoài thực hiện. Do vậy, để hạn chế rủi ro này, ngoài việc áp dụng danh mục đầu tư đa dạng hóa, danh mục chứng khoán nợ của Quỹ sẽ chủ yếu tập trung đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ, hoặc trái phiếu của doanh nghiệp niêm yết. Đối với các khoản tiền gửi ngắn hạn hưởng lãi suất hoặc các giao dịch mua bán lại (repo), Quỹ có những cơ chế chọn lọc đối tác có tiềm lực tài chính vững mạnh và có uy tín lớn để thực hiện giao dịch mua bán lại nhằm hạn chế tối đa rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác.

3.7 Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty Quản lý quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty Quản lý quỹ điều hành. Rủi ro này thuộc dạng rủi ro không hệ thống, có thể kiểm soát được bằng cách thiết lập "tường lửa thông tin" nội bộ (Chinese Wall) nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xung đột lợi ích giữa các quỹ đầu tư và sản phẩm tài chính đang được quản lý bởi Công ty Quản lý quỹ.

3.8 Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể (tùy theo loại tài sản mà Quỹ dự kiến đầu tư)

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ lệ đầu tư tối đa 70% tài sản vào cổ phiếu hoặc 50% tài sản vào trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ. Tuy nhiên tỷ lệ này là không cố định. Việc phân bổ tỷ trọng cao vào cổ phiếu có thể khiến Quỹ gặp rủi ro biến động giá cổ phiếu do các tác nhân từ kinh tế vĩ mô, chính trị, hoặc những rủi ro liên quan đến từng ngành nghề cụ thể. Tuy nhiên, khi thị trường chứng khoán đối mặt với nhiều biến động, Quỹ có thể gia tăng tỷ trọng các tài sản mang tính phòng thủ cao như tiền mặt, tiền gửi, giấy tờ có giá và các công cụ phòng vệ tài chính. Công ty Quản lý quỹ liên tục theo dõi thị trường, áp dụng các phương pháp đánh giá điều kiện kinh tế vĩ mô và xu hướng vận động của thị trường trong từng giai đoạn để đưa ra các quyết định phân bổ tài sản phù hợp.

3.9 Rủi ro thiếu các công cụ phòng ngừa rủi ro

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, Quỹ được sử dụng các chứng khoán phái sinh niêm yết cho mục đích phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, các công cụ phái sinh hiện tại chưa được phổ biến và vẫn ở giai đoạn sơ khai nên khả năng sẽ không có sẵn các công cụ cần thiết để sử dụng.

3.10 Rủi ro định giá

Là rủi ro khi lãi suất định giá khác với lãi suất thực tế khiến cho giá trị của tài sản được mua/bán khác với giá trị sổ sách. Lãi suất chiết khấu được dùng để định giá căn cứ trên lãi suất niêm yết trên HNX/ VBMA/ Bloomberg/ Reuters. Đây là lãi suất tham khảo, tùy từng thời điểm và chất lượng của thông tin đầu vào, lãi suất này có thể không sát với lãi suất thực tế giao dịch.

3.11 Rủi ro rút vốn

- (a) Hoạt động theo quy chế quỹ mở, Nhà đầu tư có thể rút vốn theo nhu cầu thông qua lệnh bán Chứng chỉ Quỹ. Tuy nhiên, khi tất cả các Nhà đầu tư muốn rút một lượng tiền lớn so với quy định pháp luật về tỷ lệ rút vốn tối đa và so với quy mô thanh khoản của thị trường, việc chuyển

đổi tỷ lệ lớn giá trị của Quỹ thành tiền mặt trong thời gian ngắn có thể dẫn đến giá trị tài sản đầu tư của Quỹ giảm mạnh và ảnh hưởng đến giá trị thực tế Nhà đầu tư được nhận. Do đó, nhu cầu rút vốn của Nhà đầu tư có thể sẽ chỉ được đáp ứng một phần hoặc trong thời gian chậm hơn theo quy định.

- (b) Trong một số trường hợp, Nhà đầu tư có thể không được thực hiện lệnh bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Chứng chỉ Quỹ bị tạm dừng giao dịch. Vui lòng xem thêm Điều X.3.13.7 Chương X của Bản cáo bạch này.
- (c) Trong một số trường hợp, Công ty Quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán. Vui lòng xem thêm Điều X.3.13.6 Chương X của Bản cáo bạch này.
- (d) Khi việc thực hiện giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện lệnh bán cho Nhà đầu tư.

3.12 Thuế

Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán Chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022;
- Luật số 76/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Luật số 56/2024/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 09 năm 2025;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của

- Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
 - Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024;
 - Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
 - Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;
 - Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
 - Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
 - Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 05 năm 2025;
 - Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
 - Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013; và
 - Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. Phương án phát hành lần đầu

2.1 Tóm tắt các điều khoản và điều kiện liên quan đến đợt phát hành

- Tên Quỹ	QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG DC
- Tên tiếng Anh	DC BALANCED FUND
- Tên viết tắt	DCBA
- Loại hình	Quỹ đại chúng dạng mở
- Nhà đầu tư của Quỹ	Là nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước Việt Nam
- Thời hạn hoạt động của Quỹ	Không giới hạn
- Vốn điều lệ dự kiến huy động tối thiểu lần đầu	50 (năm mươi) tỷ đồng Việt Nam

- Số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu dự kiến chào bán	5.000.000
- Mệnh giá	10.000 (mười ngàn) đồng/đơn vị quỹ
- Đơn vị tiền tệ	Việt Nam Đồng
- Giá phát hành	10.000 (mười ngàn) đồng/đơn vị quỹ
- Giá dịch vụ phát hành	0%
- Số tiền đăng ký mua tối thiểu lần đầu	100.000 (một trăm nghìn đồng)
- Mục tiêu/chiến lược đầu tư	<p>Mục tiêu đầu tư của Quỹ vừa hướng đến tối đa hóa lợi nhuận từ việc đầu tư vào cổ phiếu vừa tạo nguồn thu nhập ổn định và giảm rủi ro thông qua đầu tư vào trái phiếu và các tài sản cố định khác. Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phần, trái phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có nền tảng cơ bản tốt và kỳ vọng tăng trưởng bền vững.</p> <p>Chiến lược đầu tư của Quỹ kết hợp linh hoạt chiến lược đầu tư giá trị và tăng trưởng, cộng thêm những khoản đầu tư an toàn tạo ra dòng tiền ổn định cho Nhà đầu tư. Quỹ sẽ theo đuổi chiến lược đầu tư dài hạn, tập trung phân tích các yếu tố cơ bản và giá trị doanh nghiệp.</p>
- Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư	Quỹ được đầu tư vào tất cả ngành nghề mà pháp luật Việt Nam cho phép.
- Các sản phẩm dự kiến đầu tư	<p>Tài sản đầu tư của Quỹ được mô tả Mục 2.3 Phụ Lục 3. Tài sản quỹ đầu tư tập trung chủ yếu vào:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Cổ phiếu niêm yết tại Việt Nam; ▪ Trái phiếu Chính Phủ, Trái phiếu Chính Quyền địa phương, Trái phiếu Doanh nghiệp niêm yết, Trái phiếu Doanh nghiệp phát hành riêng rẽ và Trái phiếu chuyển đổi đáp ứng quy định của pháp luật Việt Nam; và ▪ Tiền gửi, Chứng chỉ Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, Chứng chỉ Tiền gửi của các Công ty Tài Chính Tiêu Dùng.
- Cơ cấu đầu tư	Chiến lược đầu tư của Quỹ sẽ phân bổ khoảng 60% tập trung vào cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có vốn hóa trung bình và lớn ở tất cả ngành nghề và 40% Quỹ sẽ phân bổ đầu tư các tài sản có thu nhập ổn định. Danh mục chứng khoán của Quỹ có thể nắm tỷ lệ tập trung tại một số công ty ở một vài ngành nghề cụ thể.
- Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư	Người điều hành quỹ chỉ được phép đầu tư những tài sản được phép đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch. Ngân hàng Giám sát và bộ phận Kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý quỹ sẽ giám sát và kiểm tra hoạt động đầu tư của Quỹ nhằm đảm bảo hoạt động



	này tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.
- Hình thức sở hữu	Bút toán ghi sổ hoặc lưu giữ điện tử.
- Ngày phát hành	Sẽ được ghi rõ trong Bản thông báo phát hành sau khi Quỹ được cấp phép phát hành ra công chúng.
- Thời hạn phát hành	Dự kiến trong vòng 20 ngày kể từ ngày phát hành, và tối đa 90 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực. Thời gian phân phối Chứng chỉ Quỹ sẽ được nêu chi tiết trong Thông báo phát hành sau khi Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.
- Thời gian gia hạn phát hành	Sẽ được UBCKNN xem xét gia hạn nhưng không quá 30 ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối Chứng chỉ Quỹ.
- Địa điểm phát hành	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Các đối tác có liên quan đến các đợt phát hành	<ul style="list-style-type: none"> • Đại diện phát hành: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam • Ngân hàng Giám sát: Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) • Công ty kiểm toán dự kiến: được liệt kê tại Chương VI. • Đại lý phân phối: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam

2.2 Đăng ký và nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ phát hành lần đầu

- Số tiền đăng ký tối thiểu 100.000 (một trăm nghìn) đồng
- Phương thức đăng ký
 - Nhà đầu tư nộp "Phiếu đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở", "Phiếu đăng ký mua chứng chỉ quỹ mở" và các hồ sơ liên quan (theo mẫu do Đại lý Phân phối cung cấp) trực tiếp tại địa điểm phân phối hoặc thông qua ứng dụng của Đại lý Phân phối có chi tiết nêu tại Phụ Lục 1.
 - Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua}}{\text{Giá phát hành}}$$

- Trong trường hợp tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hơn số tiền đăng ký tối thiểu và/hoặc số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua, thì việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ lần đầu là không hợp lệ. Số tiền đăng ký mua này sẽ được hoàn trả cho Nhà đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc sau khi Quỹ nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ. Phí

ngân hàng phát sinh từ việc hoàn trả lại tiền trong trường hợp này sẽ do Nhà đầu tư chịu.

- Trong trường hợp tổng số tiền thanh toán lệnh mua nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua, thì số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối sẽ căn cứ vào số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua. Phần tiền dư sẽ được hoàn trả cho Nhà đầu tư trong vòng 05 (năm) ngày làm việc sau khi Quý nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ. Phí ngân hàng phát sinh từ việc hoàn trả lại tiền trong trường hợp này sẽ do Nhà đầu tư chịu.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- Phí ngân hàng phát sinh từ việc hoàn trả lại tiền trong trường hợp này sẽ do Nhà đầu tư chịu.

- | | |
|---|---|
| - Phương thức thanh toán | Nhà đầu tư/ người được uỷ quyền hợp pháp thực hiện chuyển khoản vào tài khoản của Quý tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền Đồng Việt Nam |
| - Thời hạn thanh toán | Việc thanh toán phải được thực hiện trước ngày kết thúc đợt phát hành. |
| - Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ có hiệu lực, tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng sẽ xác nhận quyền sở hữu cho Nhà đầu tư với số lượng Chứng chỉ Quỹ đã mua và lập sổ đăng ký nhà đầu tư. |
| - Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu: | Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ có hiệu lực và vào các ngày giao dịch từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về ngày giao dịch chính thức trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ. |

Việc đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ lần đầu được coi là hoàn tất khi:

- o Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở;
- o Nộp đầy đủ các giấy tờ, hồ sơ theo yêu cầu (Số định danh cá nhân/ hộ chiếu/ GPKD, giấy uỷ quyền có công chứng (nếu có)...);
- o Nhà đầu tư hoặc người được uỷ quyền điền đầy đủ thông tin đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ vào "Phiếu đăng ký mua chứng chỉ quỹ mở";
- o Nộp đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quý.

Trong trường hợp việc đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ vi phạm quy định của pháp luật hiện hành hoặc vi phạm quy định về việc đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý quỹ có quyền từ chối hoặc chấp thuận (một phần hoặc toàn bộ) số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký mua. Việc hoàn trả tiền trong trường hợp này sẽ được thực hiện trong vòng 05 (năm) ngày làm việc sau khi Quý nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ. Phí ngân hàng phát sinh từ việc hoàn trả lại tiền trong trường hợp này sẽ do Nhà đầu tư chịu.

2.3 Phương thức phân phối Chứng chỉ Quỹ lần đầu

Chứng chỉ Quỹ sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành Chứng chỉ Quỹ và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.

- (a) Trong trường hợp tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ vượt quá số vốn điều lệ dự kiến huy động tối thiểu, Nhà đầu tư sẽ được phân phối đầy đủ số lượng Chứng chỉ Quỹ theo như số tiền đã đăng ký và thực góp.
- (b) Số tiền đăng ký giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ tối thiểu cho lần phát hành đầu tiên của Quỹ là 100.000 (một trăm nghìn đồng) đồng.
- (c) Trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành bao gồm cả thời gian gia hạn mà tổng số tiền đăng ký mua thấp hơn số vốn điều lệ dự kiến huy động tối thiểu, hoặc có ít hơn một trăm (100) nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, mua Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý quỹ sẽ hủy đợt phát hành và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin về việc huy động vốn không thành công trong vòng hai mươi bốn (24) giờ làm việc sau khi kết thúc giai đoạn chào bán. Công ty Quản lý quỹ sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư đồng thời thanh toán toàn bộ các chi phí phát sinh có liên quan đến việc huy động vốn trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày đợt phát hành bị hủy bỏ.
- (d) Quỹ sẽ không niêm yết giao dịch Chứng chỉ Quỹ trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Nhà đầu tư có thể giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo tại Đại lý Phân phối chỉ định sau khi Quỹ được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Lập Quỹ.

2.4 Quy định về giao dịch của DCVFM và người có liên quan trong đợt phát hành

DCVFM và người có liên quan của DCVFM được tham gia góp vốn thành lập Quỹ và giao dịch Chứng chỉ Quỹ với mức giá giao dịch giống các Nhà đầu tư khác.

3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo

3.1 Thời gian giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau đợt phát hành lần đầu

Nhà đầu tư có thể giao dịch Chứng chỉ Quỹ vào các Ngày Giao dịch.

3.2 Ngày Giao dịch

Ngày Giao dịch là các Ngày làm việc trong tuần. Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết, các ngày làm việc bù vào ngày thứ 7 và/hoặc chủ nhật, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nêu trên xảy ra trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ hoặc bằng thư điện tử.

3.3 Giá bán

Giá bán được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng thêm Giá dịch vụ phát hành tại Ngày Giao dịch.

3.4 Giá mua lại

Giá mua lại một đơn vị quỹ, là mức giá mà Công ty Quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi Giá dịch vụ mua lại.

3.5 Giá dịch vụ mua lại

- (a) Giá dịch vụ mua lại là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một Đơn vị Quỹ cho Quỹ, được khấu trừ từ giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ trước khi Quỹ thanh toán cho Nhà đầu tư.
- (b) Giá dịch vụ mua lại được tính dựa trên thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ và theo nguyên tắc "mua trước bán trước" (FIFO), được thể hiện dưới dạng tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch và không vượt quá hai phần trăm (2%) giá trị giao dịch. Mức giá dịch vụ mua lại cụ thể/thay đổi được quy định trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ và Đại lý Phân phối.

- (c) Mức giá dịch vụ mua lại tại thời điểm hiệu lực của Bản Cáo Bạch này:
- o Thời gian nắm giữ **dưới 365 ngày: 1,5% giá trị giao dịch;**
 - o Thời gian nắm giữ **từ 365 ngày đến 730 ngày: 0,5% giá trị giao dịch;**
 - o Thời gian nắm giữ **trên 730 ngày: miễn phí (0%).**

3.6 Giá dịch vụ phát hành

- (a) Giá dịch vụ phát hành là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Đơn vị Quỹ, được thu khi phát hành.
- (b) Giá dịch vụ phát hành: **miễn phí (0%).**

3.7 Giá dịch vụ chuyển đổi

- (a) Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty Quản lý quỹ quản lý được thu khi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty Quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch sau khi Quỹ được thành lập và không vượt quá hai phần trăm (2%) giá trị giao dịch. Nhà đầu tư không phải trả Giá dịch vụ phát hành và Giá dịch vụ mua lại khi thực hiện chuyển đổi. Mức giá dịch vụ chuyển đổi cụ thể/thay đổi được quy định trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ và Đại lý Phân phối.
- (b) Mức giá dịch vụ chuyển đổi tại thời điểm hiệu lực của Bản Cáo Bạch này:
- o Thời gian nắm giữ **dưới 365 ngày: 1,5% giá trị giao dịch;**
 - o Thời gian nắm giữ **từ 365 ngày đến 730 ngày: 0,5% giá trị giao dịch;**
 - o Thời gian nắm giữ **trên 730 ngày: miễn phí (0%).**

3.8 Số lượng đăng ký giao dịch mua/ bán/ chuyển đổi tối thiểu và điều kiện duy trì tài khoản sau khi đăng ký giao dịch bán/ bán chuyển đổi

- (a) Giá trị đăng ký giao dịch mua tối thiểu (lệnh mua tối thiểu): **100.000 (một trăm nghìn) đồng.**
- (b) Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký giao dịch bán tối thiểu (lệnh bán tối thiểu): **10 (mười) Đơn vị Quỹ.**
- (c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký giao dịch bán chuyển đổi tối thiểu (lệnh bán chuyển đổi tối thiểu): **10 (mười) Đơn vị Quỹ.**
- (d) Giá trị đăng ký giao dịch mua chuyển đổi tối thiểu (lệnh mua chuyển đổi tối thiểu): **100.000 (một trăm nghìn) đồng.**
- (e) Số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch bán/bán chuyển đổi: **10 (mười) Đơn vị Quỹ.**
- (i) Trường hợp Nhà đầu tư đăng ký giao dịch bán/bán chuyển đổi dẫn đến số Đơn vị Quỹ còn lại trong tài khoản thấp hơn 10 (mười) Đơn vị Quỹ thì Nhà đầu tư phải đăng ký giao dịch bán/bán chuyển đổi hết toàn bộ số Đơn vị Quỹ còn lại trong tài khoản nhằm đưa số Đơn vị Quỹ trong tài khoản về bằng 0 (không).
- (ii) Trường hợp Nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ trong tài khoản thấp hơn 10 (mười) Đơn vị Quỹ, khi đăng ký giao dịch bán thì Nhà đầu tư phải đăng ký giao dịch bán hết toàn bộ số Đơn vị Quỹ còn lại trong tài khoản nhằm đưa số Đơn vị Quỹ trong tài khoản về bằng 0 (không).

3.9 Thời điểm đóng sổ lệnh

- (a) Thời điểm đóng sổ lệnh là **14 giờ 30 phút ngày T-1** (trong đó ngày T là Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ), là thời điểm cuối cùng mà Đại lý Phân phối nhận Phiếu lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư hoặc người được Nhà đầu tư ủy quyền để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ trong Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

- (b) Lệnh giao dịch nhận sau Thời điểm đóng sổ lệnh là lệnh không hợp lệ. Lệnh giao dịch này sẽ bị huỷ vào Ngày Giao dịch đã đăng ký và được tự động chuyển sang thực hiện vào Ngày Giao dịch kế tiếp gần nhất.
- (c) Trong trường hợp Thời điểm đóng sổ lệnh không rơi vào Ngày làm việc thì Thời điểm đóng sổ lệnh sẽ là Ngày làm việc liền trước đó. Thông tin chi tiết về lịch giao dịch và Thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được Công ty Quản lý quỹ thông báo cụ thể đến Nhà đầu tư, Đại lý Phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trước thời điểm các ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ bù dự kiến diễn ra trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ hoặc bằng thư điện tử.

3.10 Thời hạn xác nhận giao dịch

Ngày cùng Ngày giao dịch (ngày T) hoặc chậm nhất là 01 (một) ngày làm việc sau ngày giao dịch (ngày T+1), Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà đầu tư tại Sở chính và cung cấp thông tin cho Đại lý Phân phối để gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch.

3.11 Thời hạn thanh toán tiền bán Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư

Trong vòng 03 (ba) Ngày làm việc (ngày T+3) kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ (ngày T), Quỹ sẽ thực hiện chuyển tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ bằng tiền Việt Nam Đồng cho Nhà đầu tư trực tiếp từ tài khoản Quỹ đến một trong các tài khoản sau:

- (a) tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư đã được đăng ký gắn liền với tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư; hoặc
- (b) tài khoản ngân hàng của Đại lý Ký danh; hoặc
- (c) tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định; hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định liên kết với ví điện tử của Nhà đầu tư (chỉ được áp dụng nếu Nhà đầu tư có tài khoản ngân hàng liên kết với ví điện tử tại một tổ chức cung ứng dịch vụ đã được DCVFM chấp thuận và đã được tổ chức cung ứng dịch vụ này xác thực thông tin chủ ví điện tử liên kết với tài khoản ngân hàng là Nhà đầu tư) hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư do Nhà đầu tư chỉ định.

Trường hợp Quỹ chuyển tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ cho Đại lý Ký danh như tại điểm (b) nêu trên, Đại lý Ký danh có trách nhiệm thanh toán chi tiết đến từng Nhà đầu tư thực hiện bán Chứng chỉ Quỹ tại chính Đại lý Ký danh đó theo thỏa thuận giữa Nhà đầu tư và Đại lý Ký danh trong vòng 03 (ba) Ngày làm việc kể từ ngày Đại lý Ký danh nhận được thanh toán.

Trường hợp Quỹ chuyển tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định như tại điểm (c) nêu trên, Nhà đầu tư cần thực hiện đăng ký thông tin tài khoản ngân hàng chỉ định với Đại lý Phân phối nơi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch trước Thời điểm chốt sổ lệnh tối thiểu 04 (bốn) Ngày làm việc.

Thời gian hoàn tất việc thanh toán có thể bị kéo dài do phát sinh lỗi hệ thống ngân hàng hoặc sự cố khác trong quá trình thực hiện giao dịch thanh toán. Trong trường hợp này, Đại lý Phân phối sẽ thông báo về việc kéo dài thanh toán đến Nhà đầu tư, Đại lý Ký danh sớm nhất có thể, nhưng trong mọi trường hợp việc kéo dài này không vượt quá 04 (bốn) Ngày làm việc (ngày T+4) kể từ Ngày Giao dịch.

Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền mua lại sẽ do Nhà đầu tư chịu.

3.12 Tần suất giao dịch của Quỹ

- (a) Tần suất giao dịch của Quỹ là hàng ngày vào các Ngày làm việc trong tuần (Ngày Giao dịch). Trường hợp Ngày Giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết, các ngày làm việc bù vào ngày thứ bảy và/hoặc chủ nhật, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý Phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm

đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nêu trên xảy ra trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ hoặc bằng thư điện tử.

- (b) Việc giảm tần suất giao dịch sẽ do Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Tần suất giao dịch tối thiểu 02 (hai) lần trong 01 (một) tháng.

3.13 Phương thức giao dịch

Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt lệnh trực tiếp tại Đại lý Phân phối, hoặc qua điện thoại, fax, theo hình thức trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý Phân phối. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

Danh sách Đại lý phân phối và điểm nhận lệnh tại Phụ Lục 1 của Bản cáo bạch này.

3.13.1 Quy định chung về tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ và lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- (a) Trước khi giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Nhà đầu tư cần hoàn tất thủ tục mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý Phân phối chỉ định của Quỹ (được quy định tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch).
- (b) Để giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Nhà đầu tư phải hoàn tất và gửi phiếu lệnh (mua, bán, chuyển đổi) hợp lệ đến Đại lý Phân phối không muộn hơn Thời điểm đóng sổ lệnh.
- (c) Nhà đầu tư có nghĩa vụ đảm bảo tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp, không có nguồn gốc từ bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin nguồn tiền đầu tư mà Nhà đầu tư cung cấp cho Đại lý Phân phối.
- (d) Lệnh giao dịch có thể bị trì hoãn hoặc bị từ chối thực hiện để bảo đảm tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ về PCRT theo quy định dưới đây, không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 3.13.6 Chương X của Bản cáo bạch.
- (e) Nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ về PCRT và theo yêu cầu của ngân hàng thanh toán (nếu có), Công ty Quản lý quỹ có thể yêu cầu Nhà đầu tư cung cấp bổ sung thông tin và/hoặc thực hiện các thủ tục cần thiết khác trước khi thực hiện các lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, thanh toán cho Nhà đầu tư, hoặc nhận thanh toán tiền từ Nhà đầu tư.
- (f) Nhà đầu tư có nghĩa vụ cung cấp kịp thời đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Công ty Quản lý quỹ. Nếu Nhà đầu tư từ chối cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không chính xác, đầy đủ, kịp thời hoặc giao dịch của Nhà đầu tư có yếu tố đáng ngờ theo quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty Quản lý quỹ về PCRT, lệnh giao dịch của Nhà đầu tư hoặc việc thanh toán cho giao dịch có thể bị trì hoãn hoặc bị từ chối thực hiện. Trong trường hợp pháp luật cho phép, Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo cho Nhà đầu tư và Nhà đầu tư cần thực hiện các thủ tục có liên quan theo yêu cầu và hướng dẫn của Công ty Quản lý quỹ và/hoặc ngân hàng thanh toán (nếu có).
- (g) Công ty Quản lý quỹ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lệnh giao dịch hoặc việc thanh toán cho giao dịch bị trì hoãn hoặc bị từ chối thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ quy định về PCRT hoặc theo hướng dẫn/yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- (h) Hướng dẫn cụ thể về điều kiện và quy trình mở tài khoản và thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Phụ Lục 2 của Bản cáo bạch.

3.13.2 Thực hiện giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ

- (a) Lệnh giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ phải tuân thủ giá trị đăng ký giao dịch mua tối thiểu theo quy định tại Điều 3.8 Chương X của Bản cáo bạch và phải gửi kèm xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ đăng ký vào tài khoản của Quỹ đến Đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh hoặc Ngân hàng Giám sát xác nhận với Công ty Quản

lý quỹ, đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận tiền mua Chứng chỉ Quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh vào Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo như thoả thuận giữa Ngân hàng Giám sát và với Công ty Quản lý quỹ.

- (b) Trừ khi pháp luật hoặc cơ quan nhà nước yêu cầu Nhà đầu tư và/hoặc Công ty Quản lý quỹ thực hiện khác đi, lệnh mua bị trì hoãn hoặc bị từ chối thực hiện để đảm bảo tuân thủ các quy định PCRT nêu trên sẽ được xử lý như sau:
- (i) Nếu lệnh mua bị trì hoãn không được thực hiện vào Ngày Giao dịch đã đăng ký, Nhà đầu tư không cần đặt lệnh giao dịch mới và lệnh đã đặt sẽ có giá trị thực hiện cho Ngày Giao dịch liền sau ngày lý do trì hoãn đã được xử lý hoặc chấm dứt.
 - (ii) Nếu lệnh mua bị từ chối thực hiện, Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết (bao gồm yêu cầu và phối hợp với Ngân hàng Giám sát) để chuyển trả lại tiền mua Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 3.13.12 Chương X của Bản cáo bạch.
- (c) Việc thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 3.13.11 Chương X của Bản cáo bạch.
- (d) Tiền thanh toán của lệnh mua phải bằng đúng giá trị của lệnh đã đăng ký mua.
- (e) Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:
- $$\text{Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành(\%)})}{\text{NAV trên Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch}}$$
- (f) Trong trường hợp tổng số tiền đăng ký mua của Nhà đầu tư dẫn tới số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối ít hơn 01 (một) và có phần số lẻ thập phân sau dấu phẩy lấy được đến 02 (hai) số thập phân, thì Nhà đầu tư được nắm giữ Chứng chỉ Quỹ này và được xem là nắm giữ Chứng chỉ Quỹ lẻ.

3.13.3 Thực hiện giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ

- (a) Lệnh giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ phải tuân thủ số lượng đăng ký giao dịch bán tối thiểu và số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch bán theo quy định tại Điều 3.8 Chương X của Bản cáo bạch, và chỉ được thực hiện khi Nhà đầu tư, Đại lý Ký danh có đủ số lượng Đơn vị Quỹ để bán theo yêu cầu.
- (b) Lệnh bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 3.13.6 Chương X của Bản cáo bạch, hoặc theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty Quản lý quỹ về PCRT.
- (c) Số tiền bán Chứng chỉ Quỹ được tính theo công thức sau:
- $$\text{Giá trị bán được nhận} = \text{Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại} \times \text{NAV trên Đơn vị Quỹ tại Ngày Giao dịch} \times (1 - \text{Giá dịch vụ mua lại (\%)})$$
- (d) Việc thanh toán tiền mua lại Chứng chỉ Quỹ được thực hiện theo quy định Điều 3.11 Chương X của Bản cáo bạch.
- (e) Đối với các khoản thanh toán bị trả về từ ngân hàng thụ hưởng, Nhà đầu tư sẽ chịu các khoản chi phí phát sinh liên quan việc sửa lệnh (nếu có) nếu do lỗi của Nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư cập nhật thông tin cho Đại lý Phân phối. Công ty Quản lý quỹ sẽ thanh toán cho Nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc Đại lý Phân phối nơi Nhà đầu tư đăng ký thực hiện giao dịch. Lưu ý rằng Quỹ chỉ thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, vì vậy Nhà đầu tư có trách nhiệm đảm bảo các thông tin đã cung cấp cho Đại lý Phân phối là chính xác.
- (f) Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán áp dụng theo quy định của pháp luật.

3.13.4 Thực hiện giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ

- (a) Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau: Lệnh bán đối với Chứng chỉ Quỹ bị bán được thực hiện trước (sau đây gọi là lệnh bán chuyển đổi), sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu (sau đây gọi là lệnh mua chuyển đổi).
- (b) Lệnh chuyển đổi phải tuân thủ số lượng đăng ký giao dịch bán chuyển đổi tối thiểu và số lượng Đơn vị Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch bán chuyển đổi theo quy định tại Điều 3.8 Chương X của Bản cáo bạch, và tuân thủ giá trị đăng ký mua chuyển đổi tối thiểu của quỹ mục tiêu.
- (c) Ngày thanh toán tiền bán chuyển đổi của Quỹ sẽ là ngày thực hiện thanh toán tiền mua chuyển đổi cho phiên giao dịch gần nhất của quỹ mục tiêu.
- (d) Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở giữa các quỹ mở do DCVFM quản lý và có cùng Tổ chức cung cấp Dịch vụ đại lý chuyển nhượng, ngoại trừ chuyển đổi qua Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) và các quỹ hoán đổi danh mục.
- (e) Giá dịch vụ chuyển đổi sẽ được áp dụng cho lệnh bán chuyển đổi đã thực hiện theo quy định tại Điều 3.7 Chương X của Bản cáo bạch.
- (f) Trong trường hợp tổng số tiền thanh toán của lệnh bán chuyển đổi ít hơn tiền mua tối thiểu của quỹ mục tiêu, thì:
 - (i) Lệnh mua chuyển đổi được xem là không hợp lệ và chỉ được thực hiện lệnh bán chuyển đổi.
 - (ii) Công ty Quản lý quỹ sẽ thanh toán tiền mua lại cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điều 3.11 Chương X của Bản cáo bạch. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc thanh toán này sẽ do Nhà đầu tư chịu.
- (g) Số tiền bán chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ được tính theo công thức sau:
$$\text{Giá trị bán được nhận} = \frac{\text{Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại} \times \text{NAV trên Đơn vị Quỹ sử dụng tại Ngày Giao dịch} \times (1 - \text{Giá dịch vụ chuyển đổi (\%)})$$
- (h) Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán chuyển đổi áp dụng theo quy định của pháp luật.
- (i) Công ty Quản lý quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến giao dịch chuyển đổi và thông tin cụ thể đến Nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ và hệ thống Đại lý Phân phối.

3.13.5 Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

- (a) Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) Chứng chỉ Quỹ cho một cá nhân/ tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý Phân phối nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch.
- (b) Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại lý Phân phối.
- (c) Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng không phải thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại cho Công ty Quản lý quỹ.
- (d) Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thực hiện các nghĩa vụ về thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

3.13.6 Thực hiện một phần lệnh giao dịch

Công ty Quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

- (a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm (5%) Giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà đầu tư dẫn tới:
 - (i) Giá trị tài sản ròng của Quỹ thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
 - (ii) Giá trị phần Đơn vị Quỹ hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - (iii) Giá trị tài sản ròng của Quỹ còn lại hoặc số Đơn vị Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn Giá trị tài sản ròng của Quỹ tối thiểu hoặc số Đơn vị Quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - (iv) Số lượng Đơn vị Quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.
- (c) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
 - (i) Tính thanh khoản của thị trường thấp do nguyên nhân khách quan và mang tính hệ thống; hoặc
 - (ii) Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

- Đối với trường hợp quy định tại điểm (a) nêu trên, Công ty Quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện Quỹ chấp thuận, kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

- Đối với trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi theo quy định tại Điều này, Công ty Quản lý quỹ áp dụng nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ, cụ thể như sau:

Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một Ngày Giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán, tổng giá trị các lệnh mua và tổng giá trị các lệnh chuyển đổi tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng một phần lệnh của Nhà đầu tư theo quy định tại mục này. Số lượng Chứng chỉ Quỹ được thực hiện cho Nhà đầu tư theo từng loại lệnh (bán/mua/chuyển đổi) trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$X_i = SLDK_i \times \frac{SLTT}{\sum SLDK}$$

Trong đó:

X_i: số lượng Chứng chỉ Quỹ thực tế của Nhà đầu tư i được thực hiện (hay số lượng Chứng chỉ Quỹ khớp lệnh bán/mua/chuyển đổi). Kết quả được lấy đến 2 chữ số thập phân;

SLDK_i: số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư đăng ký giao dịch (bán/mua/chuyển đổi);

SLTT: tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Công ty Quản lý quỹ có thể đáp ứng cho từng loại lệnh tương ứng (bán/mua/chuyển đổi);

∑SLDK: tổng số lượng Chứng chỉ Quỹ giao dịch cho từng loại lệnh tương ứng (bán/mua/chuyển đổi).

- Nếu Nhà đầu tư muốn thực hiện tiếp các lệnh bán của mình thì Nhà đầu tư tiến hành đăng ký giao dịch tại Ngày Giao dịch kế tiếp.

- Các thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc khớp một phần hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi đến Nhà đầu tư.

3.13.7 Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Công ty Quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
- Công ty Quản lý quỹ không thể xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào Ngày Định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Công ty Quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ để thực hiện sao lưu cơ sở dữ liệu giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư khi chuyển đổi hệ thống, chương trình vận hành trong trường hợp thay đổi Tổ chức cung cấp Dịch vụ quản trị Quỹ, Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp này, thời gian tạm dừng không vượt quá 03 (ba) Ngày làm việc và Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ mười (10) ngày trước thời điểm dự kiến tạm dừng trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ;
- Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy cần thiết.

Trừ trường hợp quy định tại điểm (c) nêu trên, thời gian tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày bắt đầu tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

Trừ trường hợp quy định tại điểm (d) nêu trên, trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện Quỹ, UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện mua lại Chứng chỉ Quỹ ngay sau khi thời gian tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời gian tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý quỹ phải triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư nhằm lấy ý kiến về việc giải thể hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời gian tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Tuy nhiên, nếu sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý quỹ được quyền xem xét hủy bỏ việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.



3.13.8 Mức phòng vệ thanh khoản

- Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với Nhà đầu tư khi thực hiện bán Chứng chỉ Quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của Quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng.
- Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa là 3%. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối.
- Mức phòng vệ thanh khoản sẽ được áp dụng sau khi chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch.

3.13.9 Hủy lệnh giao dịch

- Lệnh giao dịch có thể được hủy trước Thời điểm đóng sổ lệnh.
- Lệnh giao dịch được hủy sau Thời điểm đóng sổ lệnh được xem là hủy không hợp lệ.
- Lệnh giao dịch không được hủy một phần.
- Việc hủy lệnh phải được thực hiện tại các Đại lý Phân phối mà Nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch.

- (e) Trường hợp Nhà đầu tư huỷ lệnh mua Chứng chỉ Quỹ sau khi đã chuyển tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản của Quỹ trước Thời điểm đóng sổ lệnh, Công ty Quản lý Quỹ sẽ hoàn trả lại số tiền này cho Nhà đầu tư sớm nhất có thể trong vòng năm (5) Ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch liền sau thời điểm Nhà đầu tư huỷ lệnh và Công ty Quản lý quỹ có đầy đủ thông tin để hoàn trả tiền cho Nhà đầu tư. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc hoàn trả tiền sẽ do Nhà đầu tư chịu.

3.13.10 Người được uỷ quyền của Nhà đầu tư

- (a) Nhà đầu tư có thể uỷ quyền cho một cá nhân khác thực hiện đặt các lệnh giao dịch mua/bán/chuyển đổi/huỷ giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- (b) Người được uỷ quyền để đại diện giao dịch cho Nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 138 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- (c) Nhà đầu tư phải điền thông tin người được uỷ quyền vào Giấy đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ về việc uỷ quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ, và nộp đầy đủ các giấy tờ, hồ sơ theo yêu cầu đến Đại lý Phân phối. Thông tin người được uỷ quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi Nhà đầu tư đăng ký lại người được uỷ quyền tại các Đại lý Phân phối.

3.13.11 Quy định về thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ

- (a) Nhà đầu tư/người được Nhà đầu tư uỷ quyền thực hiện thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp hoặc thông qua đối tác trung gian thanh toán do DCVFM chỉ định vào tài khoản của Quỹ trước Thời điểm chốt sổ lệnh. Đối với Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối và quy định về hoạt động của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, việc thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ phải được thực hiện thông qua Tài khoản IICA của Nhà đầu tư. Nội dung chuyển khoản được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ tùy theo từng thời điểm.
- (b) Trường hợp lệnh mua Chứng chỉ Quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua của Nhà đầu tư được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà đầu tư thì phiếu lệnh và xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ số tài khoản của Nhà đầu tư và giá trị thanh toán.
- (c) Đại hội Nhà đầu tư có thể quyết định (hoặc uỷ quyền cho Ban đại diện Quỹ quyết định) thay đổi chính sách thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ và không chấp nhận việc thanh toán được thực hiện bởi tổ chức/cá nhân không phải là Nhà đầu tư. Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư khi có thay đổi chính sách thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Nhà đầu tư phải đảm bảo việc thanh toán được thực hiện bởi chính Nhà đầu tư (từ tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư hoặc thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán của Nhà đầu tư).
- (d) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tuân thủ quy định về PCRT và quản lý ngoại hối liên quan đến giao dịch Chứng chỉ Quỹ và kiểm tra với ngân hàng của Nhà đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào và Nhà đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan đến việc ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản cho Nhà đầu tư từ chối các khoản thanh toán của Công ty Quản lý quỹ/Quỹ ghi có vào tài khoản của Nhà đầu tư, yêu cầu chứng minh dòng tiền/nguồn tiền, hoạt động chuyển vốn, lợi nhuận ra nước ngoài của Nhà đầu tư hay bất kỳ vấn đề nào khác liên quan đến việc tiền mua Chứng chỉ Quỹ không được chuyển từ tài khoản của chính Nhà đầu tư (bao gồm cả việc thanh toán được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà đầu tư, hoặc không được thực hiện thông qua tài khoản IICA theo quy định).
- (e) Tiền mua chứng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ chỉ được hoàn trả theo Điều 3.13.12(a).

3.13.12 Các trường hợp giao dịch không hợp lệ

Những trường hợp sau đây được xem là giao dịch không hợp lệ:

- (a) Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ:

- (i) Lệnh giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ được gửi đến Đại lý Phân phối sau thời điểm đóng sổ lệnh và/hoặc tiền mua Chứng chỉ Quỹ không tuân thủ giá trị đăng ký giao dịch mua tối thiểu theo quy định tại Điều 3.8 Chương X của Bản cáo bạch này;
- (ii) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư được chuyển vào tài khoản của Quỹ mà không có phiếu đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ gửi đến Đại lý Phân phối;
- (iii) Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản của Quỹ nhưng nội dung chuyển tiền thiếu số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư dẫn đến không xác định được danh tính Nhà đầu tư thụ hưởng;
- (iv) Số tiền thanh toán của Nhà đầu tư thấp hơn giá trị của lệnh đăng ký mua; hoặc
- (v) Lệnh giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ bị Công ty Quản lý quỹ từ chối thực hiện vì lý do đảm bảo tuân thủ quy định về PCRT hoặc theo hướng dẫn/yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ngoại trừ trường hợp (v), tiền mua được tự động giữ lại để chuyển sang Ngày Giao dịch kế tiếp nếu Nhà đầu tư đã bổ sung lệnh giao dịch hợp lệ. Nhà đầu tư hoặc Đại lý Phân phối nơi Nhà đầu tư thực hiện giao dịch có trách nhiệm gửi thông báo về phương thức xử lý tiền mua Chứng chỉ Quỹ đến Công ty Quản lý Quỹ. Đối với các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ quy định tại mục này, Công ty Quản lý Quỹ sẽ chuyển trả lại tiền mua Chứng chỉ Quỹ như sau:

- o Đối với trường hợp (i), (ii), (iv) chuyển trả lại tiền mua Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư;
- o Đối với trường hợp (iii) thì Nhà đầu tư phải cung cấp thêm các chứng từ cần thiết theo yêu cầu của Công ty Quản lý quỹ, Đại lý phân phối để bổ sung thêm thông tin thụ hưởng, việc hoàn trả chỉ được thực hiện sau khi Công ty Quản lý quỹ và Đại lý phân phối đã xác minh các thông tin của Nhà đầu tư là chính xác.
- o Đối với trường hợp (v), việc xử lý tiền mua Chứng chỉ Quỹ sẽ phụ thuộc vào từng tình huống phát sinh cụ thể.

Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) liên quan đến việc chuyển trả lại tiền mua Chứng chỉ Quỹ trong trường hợp giao dịch mua không hợp lệ nêu trên do người nhận tiền chịu.

Trong trường hợp người nộp tiền mua không phải là Nhà đầu tư, quy trình hoàn trả tiền cho người nộp tiền mua sẽ được triển khai khi Công ty quản lý quỹ thông báo trên trang thông tin điện tử.

- (b) Các trường hợp giao dịch bán/bán chuyển đổi/mua chuyển đổi không hợp lệ:
 - (i) Các lệnh bán/bán chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ được gửi đến Đại lý Phân phối sau Thời điểm chốt sổ lệnh;
 - (ii) Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán/bán chuyển đổi nhiều hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư đang sở hữu;
 - (iii) Lệnh giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ bị Công ty Quản lý quỹ từ chối thực hiện vì lý do đảm bảo tuân thủ quy định về PCRT hoặc theo hướng dẫn/yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - (iv) Tổng số tiền thanh toán cho lệnh bán chuyển đổi ít hơn giá trị mua tối thiểu của quỹ mục tiêu. Việc xử lý giao dịch trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại Điều 3.13.4 Chương X của Bản cáo bạch.

3.13.13 Đóng tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau:

- (a) Khi Nhà đầu tư có yêu cầu bằng văn bản về việc đóng tài khoản với điều kiện là Nhà đầu tư phải thực hiện lệnh bán nhằm đưa số Đơn vị Quỹ trong tài khoản về bằng 0 (không) trước khi thực hiện đóng tài khoản; hoặc

- (b) Khi Nhà đầu tư đã mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ nhưng không thực hiện bất cứ giao dịch nào trong vòng 3 (ba) năm, Đại lý phân phối sẽ gửi thông báo đến các Nhà đầu tư và đóng các tài khoản này theo quy trình do Đại lý phân phối quy định; hoặc
- (c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật.

Nhà đầu tư không thể thực hiện bất cứ giao dịch nào trên tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ đã được đóng. Nếu muốn tiếp tục giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Nhà đầu tư phải mở một tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ mới tại Đại lý Phân phối của Quỹ.

4. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

4.1 Tần suất xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày Định giá là Ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá tháng). Trong trường hợp Ngày Định giá rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết, các ngày làm việc bù vào ngày thứ Bảy và/hoặc chủ nhật, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật thì Ngày Định giá là Ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Trường hợp Công ty Quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

4.2 Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV): được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá trị hợp lý có biến động bất thường theo quy định tại Điều lệ Quỹ, sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).

Ngân hàng Giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định giá tài sản ròng (bao gồm tổng tài sản và tổng nợ phải trả) của Quỹ đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, bảo đảm Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
3.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo phương pháp định giá là giá Reuters (lấy theo giá Bid) gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá Reuters (giá Bid) nhiều hơn 90 ngày trước ngày định giá hoặc trong các tình huống thị trường có nhiều biến động Công ty Quản lý quỹ sẽ đưa ra giá tham chiếu phù hợp nhất và trình Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

Trái phiếu

5. Trái phiếu niêm yết/ Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ giao dịch tập trung trên Sở giao dịch chứng khoán

- Giá yết bình quân (giá sạch) cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. Trong các trường hợp sau:

- không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc
- Giá yết bình quân trên có nhiều biến động bất thường quá $\pm 0,5\%$ so với giá tham chiếu được xác định theo phương pháp định tại mục ghi chú (*),

Thì giá của trái phiếu là một trong các mức giá sau:

- + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- + Giá tham chiếu tại mục (*) cộng lãi lũy kế; hoặc
- + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.

(*) Giá tham chiếu sẽ theo các cách thức sau:

➤ Trái phiếu chính phủ:

- Giá trái phiếu chính phủ (giá sạch) được xác định theo phương pháp định giá là giá Reuters (lấy theo giá Bid) gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá.
- Trong trường hợp không có giá Reuters (giá Bid) nhiều hơn 90 ngày trước ngày định giá; hoặc trong các tình huống thị trường có nhiều biến động, Công ty Quản lý quỹ sẽ dùng giá Bloomberg (giá Bid), hoặc giá Finpro, hoặc giá mua gần nhất.

➤ Trái phiếu doanh nghiệp:

- Trái phiếu doanh nghiệp thông thường (trái phiếu trơn): có thể được áp dụng một trong các cách sau:
 - Giá sạch là giá được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền dựa trên lợi suất là tổng của lãi suất tham chiếu (lãi suất tiền gửi trung bình kỳ hạn 12 tháng tại ngày gần nhất trước ngày định giá của 4 ngân hàng thương mại nhà nước) và Chênh lệch lợi suất điều chỉnh
 - Giá sau khi đã phân bổ chênh lệch giữa mệnh giá với giá mua (chiết khấu/ phụ trội) đối với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ và sau khi loại trừ toàn bộ phần giá trị đã được phân bổ chiết khấu/ phụ trội đến kỳ định giá liền trước của số lượng chứng khoán bán trong kỳ.
 - Giá quan sát được của trái phiếu tính chất tương ứng về lãi suất, thời gian đến hạn còn lại... trên thị trường trong và ngoài nước
 - Trong các tình huống thị trường có biến động khác, Công ty Quản lý quỹ sẽ đưa ra giá tham chiếu phù hợp nhất và trình Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Ban đại diện Quỹ sẽ xác định cách áp dụng cụ thể cho từng thời điểm và ghi nhận trong Sổ tay định giá của quỹ.

Trường hợp trái phiếu trong giai đoạn từ khi đầu thầu thành công đến khi được niêm yết hoặc trái phiếu trong quá trình chờ niêm

		<p>yết (đối với trái phiếu phát hành ra công chúng) hoặc chờ lên sàn giao dịch tập trung (đối với trái phiếu phát hành riêng lẻ), giá trái phiếu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết/ hủy đăng ký giao dịch vì lý do gần đến ngày đáo hạn thì giá được xác định bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do tổ chức phát hành mua lại trước hạn thì giá được xác định giá sạch được tổ chức phát hành cam kết mua lại cộng lãi lũy kế. Các trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do khác thì phương pháp xác định giá sẽ được Ban đại diện Quỹ thông qua theo từng trường hợp cụ thể.</p>
6.	Trái phiếu không niêm yết	<p>Giá yết (Giá sạch) trên các hệ thống báo giá hoặc giá sạch trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp có một (01) tổ chức báo giá không xác định được giá thì giá trái phiếu là giá sạch trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá tại ngày gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá; hoặc - Có đủ báo giá nhưng có từ hai (02) đến ba (03) tổ chức báo giá không xác định được giá; <p>thì giá của trái phiếu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế.</p>
7.	Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Việc xác định giá sẽ được Ban đại diện Quỹ phê duyệt khi có phát sinh.
Trái phiếu chuyển đổi		
8.	Trái phiếu niêm yết/ Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ giao dịch tập trung trên Sở giao dịch chứng khoán	<p>- Giá yết bình quân (giá sạch) cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. Trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc • Giá yết bình quân trên có nhiều biến động bất thường quá $\pm 0,5\%$ so với giá tham chiếu được xác định theo phương pháp định tại mục ghi chú (**), <p>thì giá của trái phiếu chuyển đổi là giá tham chiếu tại mục (**) cộng lãi lũy kế.</p> <p>(**) Giá tham chiếu của trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi sẽ được xác định theo nguyên tắc là tổng giá trị trái phiếu trơn và giá trị quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu, trong đó:</p> <p>(i) Giá trị phần trái phiếu trơn (giá sạch) được xác định bằng mệnh giá</p>

		<p>(ii) Giá trị quyền chọn được xác định theo Black-Scholes Model hoặc Binomial Tree Model (trong trường hợp có các điều khoản chuyển đổi phức tạp)</p> <p>Trường hợp trái phiếu trong giai đoạn từ khi đầu thầu thành công đến khi được niêm yết hoặc trái phiếu trong quá trình chờ niêm yết (đối với trái phiếu phát hành ra công chúng) hoặc chờ lên sàn giao dịch tập trung (đối với trái phiếu phát hành riêng lẻ), giá trái phiếu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết/ hủy đăng ký giao dịch vì lý do gần đến ngày đáo hạn thì giá được xác định bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do tổ chức phát hành mua lại trước hạn thì giá được xác định giá sạch được tổ chức phát hành cam kết mua lại cộng lãi lũy kế. Các trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do khác thì phương pháp xác định giá sẽ được Ban đại diện Quý thông qua theo từng trường hợp cụ thể.</p>
9.	Trái phiếu không niêm yết	<p>Giá yết (Giá sạch) trên các hệ thống báo giá hoặc giá sạch trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quý phê duyệt tại ngày gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp có một (01) tổ chức báo giá không xác định được giá thì giá trái phiếu là giá sạch trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá tại ngày gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá; hoặc - Có đủ báo giá nhưng có từ hai (02) đến ba (03) tổ chức báo giá không xác định được giá; <p>thì giá của trái phiếu chuyển đổi được xác định theo nguyên tắc là tổng giá trị trái phiếu trơn và giá trị quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu cộng lãi lũy kế, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá trị phần trái phiếu trơn (giá sạch) được xác định bằng mệnh giá (ii) Giá trị quyền chọn được xác định theo Black-Scholes Model hoặc Binomial Tree Model (trong trường hợp có các điều khoản chuyển đổi phức tạp)
Cổ phiếu		
10.	<p>Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán; cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết.</p> <p>Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost);

	của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. - Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng trong quá trình làm thủ tục niêm yết.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở Giao Dịch Chứng Khoán	<p>Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
14.	Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá (của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt) tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt; + Giá của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ của chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên website Công ty Quản lý quỹ đó; hoặc trên Sổ giao dịch; hoặc trên website UBCKNN tại ngày gần nhất trước ngày định giá của Quý; + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost);
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá của Quý
17.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sổ giao dịch chứng khoán	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ /Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
18.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sổ giao dịch chứng khoán như quy định tại điều này, thì giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày/giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được VSDC công bố trên trang thông tin điện tử của VSDC tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
19.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
20.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết tại mục ghi chú 3 dưới đây.
Chứng quyền có bảo đảm		
21.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sổ giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
22.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Tùy theo từng trường hợp cụ thể, giá của các tài sản sẽ được xác định một cách phù hợp theo một trong các phương pháp sau đây:

		Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do ít nhất 02 (hai) tổ chức báo giá cung cấp; hoặc theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận
23.	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

Ghi chú 1: Các thuật ngữ chung

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương
- Lãi suất trung bình tiền gửi 12 tháng là trung bình lãi suất được công bố bởi bốn Ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước (Agribank, BIDV, Vietcombank, Vietinbank).
- Trái phiếu trơn (Clean bond) là loại trái phiếu thông thường, không đi kèm các quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.
- Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành chứng khoán vốn, cụ thể là cổ phiếu theo quyết định của trái chủ

Ghi chú 3: Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại

4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng Giám sát và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ (NAV) = Tổng tài sản của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ (NAV/ccq) bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày trước Ngày Định giá, và được lấy đến 2 chữ số thập phân.

4.3 Công bố Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Công ty Quản lý quỹ công bố thông tin về báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ định kỳ hàng tuần và công bố thông tin về giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày định giá theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ tại địa chỉ: <https://dragoncapital.com.vn/>

5. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào Quỹ và thực hiện giao dịch

Vui lòng xem Phụ Lục 2 về các hướng dẫn tham gia đầu tư và thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ ngoài các nội dung tại Chương X của Bản cáo bạch này.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính bán niên, các báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên, kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty Kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.

2. Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý quỹ sẽ cập nhật trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của pháp luật sau khi Quỹ đi vào vận hành.

3. Giá dịch vụ

3.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng

3.1.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ

- (a) Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1.60%NAV/năm. Giá dịch vụ này được trả cho Công ty Quản lý quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ. Tỷ lệ Giá dịch vụ quản lý quỹ sẽ được Công ty Quản lý quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ và các giá dịch vụ khác mà Quỹ chi trả cho Công ty Quản lý quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật.

- (b) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (c) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- (d) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì Giá dịch vụ quản lý quỹ được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý quỹ trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước Ngày Định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ Giá dịch vụ quản lý quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

3.1.2 Giá dịch vụ quản trị quỹ

- (a) Giá dịch vụ quản trị quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ trả cho Tổ chức cung cấp Dịch vụ Quản trị quỹ cho Quỹ.
- (b) Giá dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,03% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).
- (c) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (d) Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- (e) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

- (f) Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

3.1.3 Giá Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

- (a) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, Đại lý Phân phối hoặc dưới các hình thức khác.
- (b) Giá duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 12 triệu đồng/ tháng chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định hiện hành và được trả hàng tháng.
- (c) Công thức tính giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng/ số ngày thực tế của tháng × số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá

- (d) Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng. Ngoài ra, Quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3.2 Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký

- (a) Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (b) Giá dịch vụ giám sát là 0,04% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)).
- (c) Giá dịch vụ lưu ký tối đa là 0,04% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có)). Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán tối đa là 100.000 đồng/giao dịch.
- (d) Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v....
- (e) Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký tối đa đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật (nếu có).
- (f) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (g) Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) × NAV tại ngày trước Ngày Định giá × số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- (h) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ giám sát, lưu ký được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) × NAV tại ngày trước Ngày Định giá của kỳ đầu tiên trong tháng × số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) × NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng × số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

- (i) Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

3.3 Các loại giá dịch vụ khác

Các loại giá dịch vụ khác, bao gồm và không giới hạn giá dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, định giá...theo quy định tại các hợp đồng dịch vụ do Công ty Quản lý quỹ sẽ thay mặt Quỹ để thực hiện ký kết, được quy định chi tiết tại Mục 8 Phụ Lục 3 của Bản cáo bạch này.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

Báo cáo chỉ tiêu hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty Quản lý quỹ cập nhật định kỳ (nếu có sự thay đổi) đồng thời với việc thực hiện cập nhật Bản cáo bạch này.

4.1 Tỷ lệ chi phí của Quỹ

- (a) Chi phí hoạt động của Quỹ là các khoản chi phí (sau thuế) được nêu tại Điều 3 Chương XI của Bản cáo bạch này.
- (b) Tỷ lệ tổng chi phí của Quỹ (TERo) sẽ được giới hạn ở hạn mức 2,0% NAV/năm (NAV dùng để tính phí). Tổng chi phí cho mục đích tính TERo bao gồm tất cả các chi phí hoạt động của Quỹ (ngoại trừ phí giao dịch đầu tư).
- (c) Phần vượt hạn mức TERo 2,0%NAV/năm sẽ được giảm trừ vào chi phí quản lý quỹ và có hiệu lực từ ngày hiệu lực của Bản cáo bạch này cho đến khi có thông báo khác trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ. Tỷ lệ chi phí của Quỹ xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí của Quỹ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm của Quỹ}}$$

Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo là tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các Ngày Định giá chia cho số Ngày Định giá Chứng chỉ Quỹ trong kỳ báo cáo.

4.2 Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ

- (a) Trong quá trình hoạt động, Quỹ sẽ phát sinh các chi phí liên quan đến giao dịch mua và bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán ("quay vòng"), số lượng và giá trị các giao dịch mua/bán chứng khoán càng lớn thì các chi phí liên quan đến giao dịch càng nhiều, do đó sẽ ảnh hưởng tới kết quả chung của Quỹ, Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ là chỉ tiêu phản ánh ảnh hưởng của hoạt động mua/bán trên tới kết quả của Quỹ đầu tư.
- (b) Chỉ tiêu Tốc độ vòng quay danh mục đầu tư của Quỹ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào từ đầu năm đến kỳ báo cáo} + \text{Tổng giá trị bán ra từ đầu năm đến kỳ báo cáo}) \times 100\% \times \text{Hệ số điều chỉnh}}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình từ đầu năm đến kỳ báo cáo}}$$

Hệ số điều chỉnh = Số ngày trong năm dương lịch (365 hoặc 366)/số ngày từ ngày đầu năm đến kỳ báo cáo.

5. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân phối lợi nhuận

5.1 Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của quỹ = Doanh thu đầu tư – Chi phí

- (a) Doanh thu của Quỹ bao gồm các khoản sau:
- o Cổ tức;
 - o Lãi trái phiếu;
 - o Lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi;
 - o Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư Quỹ;
 - o Các khoản thu nhập khác, nếu có, theo quy định pháp luật.
- (b) Chi phí của quỹ bao gồm các khoản sau:
- o Chi phí đầu tư là chi phí phát sinh cho các giao dịch mua/bán đầu tư tài sản của quỹ
 - o Chi phí hoạt động tại Điều 3 Chương XI của Bản cáo bạch này

5.2 Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

- (a) Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ sẽ không phân phối lợi nhuận.
- (b) Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

6. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và cơ hội đầu tư trong Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

1. Công ty Quản lý quỹ sẽ:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý;
- Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý quỹ với tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác;
- Tách biệt tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý quỹ sẽ được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Công ty Quản lý quỹ sẽ chuẩn bị các báo cáo định kỳ của công ty và của Quỹ, các báo cáo này sẽ được Công ty Quản lý quỹ gửi đến UBCKNN theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo về hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty Quản lý quỹ sao gửi đến các thành viên Ban đại diện Quỹ và được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ tại địa chỉ www.dragoncapital.com.vn và tại các hệ thống Đại lý Phân phối chứng chỉ quỹ do Công ty Quản lý quỹ chỉ định.

3. Báo cáo hoạt động Quỹ được thực hiện như sau:

- Đối với báo cáo NAV: được công bố không trễ hơn một (01) ngày làm việc kể từ Ngày Định giá (giao dịch Chứng chỉ Quỹ);
- Đối với các báo cáo hoạt động Quỹ: được thực hiện định kỳ báo cáo tháng, quý và năm theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Các báo cáo tại điểm 2 và 3 nêu trên được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, tại trụ sở của Công ty Quản lý quỹ và tại hệ thống Đại lý phân phối.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489

Mọi thắc mắc sẽ được giải đáp tại tất cả các Đại lý Phân phối Chứng chỉ Quỹ. Danh sách Đại lý Phân phối được đính kèm trong Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

XV. CAM KẾT

Công ty Quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

- Phụ lục 1 - Danh sách các Đại lý Phân phối chính thức của Quỹ.
- Phụ lục 2 - Quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- Phụ lục 3 - Tóm tắt Điều lệ Quỹ
- Phụ lục 4 – Điều lệ Quỹ

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC CỦA QUỸ

Chứng chỉ Quỹ của Quý được phân phối thông qua các Đại lý Phân phối chính thức sau:

1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489
- Địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Tên ứng dụng phân phối Chứng chỉ Quỹ: DragonX

Khi có thay đổi danh sách Đại lý Phân phối, Công ty Quản lý quỹ thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ và cập nhật vào Bản cáo bạch.



PHỤ LỤC 2. QUY TRÌNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Lưu ý: Nhà đầu tư liên lạc Công ty Quản lý quỹ và/hoặc Đại lý Phân phối nếu cần hướng dẫn cụ thể hơn về các yêu cầu liên quan đến mở tài khoản và thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

1. Mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1.1 Nhà đầu tư cần hoàn tất các thủ tục mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ (sau đây gọi là "Tài khoản GD") tại các Đại lý Phân phối chỉ định trước khi thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

1.2 Nhà đầu tư có thể mở nhiều Tài khoản GD tại các Đại lý Phân phối khác nhau để giao dịch Chứng chỉ Quỹ với điều kiện là tại mỗi Đại lý Phân phối thì Nhà đầu tư chỉ có một Tài khoản GD. Các tài khoản GD tại các Đại lý Phân phối khác nhau của cùng một Nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, mỗi Tài khoản GD của Nhà đầu tư mở tại mỗi Đại lý Phân phối phải đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan, bao gồm cả quy định về đảm bảo số dư Đơn vị Quỹ tối thiểu và các giá trị/số lượng đăng ký giao dịch tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch một cách độc lập.

1.3 Hồ sơ và quy trình mở Tài khoản GD tại Đại lý Phân phối thực hiện theo quy định của Đại lý Phân phối đó. Hồ sơ mở tài khoản phải tuân thủ quy định pháp luật có liên quan, bao gồm cả các quy định về KYC, PCRT, Hiệp định giữa Việt Nam và Hoa Kỳ về FATCA. Nhà đầu tư cần cung cấp hồ sơ và các thông tin theo quy định đầy đủ và trung thực. Tài khoản GD chỉ được mở sau khi Nhà đầu tư cung cấp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

1.4 Quy định thêm đối với Nhà đầu tư nước ngoài

1.4.1 Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về thuế, quản lý ngoại hối, hoạt động đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán và pháp luật nước sở tại của Nhà đầu tư (nếu có).

1.4.2 Nhà đầu tư nước ngoài có thể cần mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép kinh doanh và hoạt động cung ứng dịch vụ ngoại hối tại Việt Nam ("Tài khoản IICA") và cần xin cấp mã số giao dịch chứng khoán trước khi mở tài khoản và thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Tất cả các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam của Nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm, nhưng không giới hạn giao dịch mua/bán Chứng chỉ Quỹ, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển vốn, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài, v.v.) đều phải được thực hiện thông qua Tài khoản IICA này.

1.4.3 Nhà đầu tư nước ngoài có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý ngoại hối và cần tham khảo ý kiến ngân hàng nơi Nhà đầu tư mở tài khoản về yêu cầu mở Tài khoản IICA, các vấn đề liên quan đến các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ (bao gồm, nhưng không giới hạn giao dịch thu từ bán Chứng chỉ Quỹ, nhận cổ tức và các khoản lợi ích khác thu được từ hoạt động đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ, giao dịch chi mua ngoại tệ), việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và tài liệu xác minh dòng tiền. Công ty Quản lý quỹ và Đại lý Phân phối không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc ngân hàng của Nhà đầu tư từ chối thực hiện các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư và giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư thông qua Tài khoản IICA.

2. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

2.1 Đăng ký giao dịch

2.1.1 Nhà đầu tư phải hoàn tất và gửi phiếu lệnh hợp lệ đến Đại lý Phân phối trước Thời điểm chốt sổ lệnh. Phiếu lệnh phải được điền đầy đủ thông tin bắt buộc theo yêu cầu, không tẩy xóa, chỉnh sửa thông tin. Phiếu lệnh không có đủ hồ sơ, thông tin theo yêu cầu, có yếu tố đáng ngờ hoặc vi phạm quy định của pháp luật, Công ty Quản lý quỹ hoặc Đại lý Phân phối về KYC, PCRT hoặc FATCA có thể bị từ chối thực hiện. Công ty Quản lý quỹ và Đại lý Phân phối có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối phiếu lệnh giao dịch căn cứ theo quy định của Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch này và các quy định pháp luật có liên quan.

2.1.2 Đăng ký giao dịch trong từng trường hợp cụ thể như sau:

- (a) Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ: Nhà Đầu tư gửi phiếu lệnh và thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Điều X.3.13.2, Chương X của Bản cáo bạch.
- (b) Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ: Nhà Đầu tư gửi phiếu lệnh theo quy định tại Điều X.3.13.3, Chương X của Bản cáo bạch.
- (c) Giao dịch chuyển đổi: Nhà đầu tư gửi phiếu lệnh theo quy định tại Điều X.3.13.4, Chương X của Bản cáo bạch.

2.1.3 Việc hủy lệnh giao dịch phải được thực hiện theo quy định tại Điều X.3.13.9, Chương X của Bản cáo bạch.

2.2 Chốt sổ lệnh và thực hiện các lệnh giao dịch:

2.2.1 Việc chốt sổ lệnh thực hiện theo quy định tại Điều X.3.9, Chương X của Bản cáo bạch.

2.2.2 Các lệnh giao dịch có thể bị trì hoãn, từ chối thực hiện, không được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần, hoặc bị tạm dừng theo các quy định có liên quan tại Điều X.3.13.6 và X.3.13.7, Chương X của Bản cáo bạch.

2.2.3 Xác nhận giao dịch: Vào Ngày Giao dịch, việc gửi xác nhận giao dịch cho Nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều X.3.10, Chương X của Bản cáo bạch.

2.3 Thanh toán giao dịch

Việc thanh toán tiền bán cho Nhà đầu tư trong giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ, xử lý tiền mua trong các giao dịch không hợp lệ cũng như xử lý việc thanh toán trong các trường hợp khác sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan tại Điều X.3.13, Chương X của Bản cáo bạch.

PHỤ LỤC 3. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ QUỸ

Nhà đầu tư cần lưu ý những nội dung tại Phụ lục 3 này là nội dung tóm tắt của Điều lệ Quỹ. Để có đầy đủ thông tin, Nhà đầu tư cần tham khảo Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung của Bản cáo bạch này và Điều lệ của Quỹ, các quy định của Điều lệ Quỹ sẽ được áp dụng.

1. Các điều khoản chung

1.1 Nguyên tắc tổ chức

- (a) Quỹ là quỹ mở, được tổ chức và hoạt động theo pháp luật hiện hành.
- (b) Quỹ có nghĩa vụ phải mua lại Chứng chỉ Quỹ đã được phát hành cho Nhà đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.
- (c) Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
- (d) Ban đại diện Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát.
- (e) Công ty Quản lý quỹ được chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

1.2 Tổng vốn huy động và số lượng Chứng Chỉ Quỹ chào bán

Vốn điều lệ dự kiến huy động tối thiểu lần đầu của Quỹ là năm mươi (50) tỷ đồng Việt Nam, tương ứng với năm triệu (5.000.000) đơn vị quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là mười ngàn (10.000) đồng.

1.3 Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

2.1 Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ vừa hướng đến tối đa hóa lợi nhuận từ việc đầu tư vào cổ phiếu vừa tạo nguồn thu nhập ổn định và giảm rủi ro thông qua đầu tư vào trái phiếu và các tài sản cố định khác phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam, Bản cáo bạch và Điều lệ quỹ. Các doanh nghiệp mà Quỹ lựa chọn đầu tư là các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng cao, chất lượng tài sản tốt và có mức định giá hấp dẫn.

2.2 Chiến lược đầu tư

2.2.1 Chiến lược đầu tư của Quỹ là đầu tư năng động vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các tài sản có thu nhập ổn định trên thị trường tài chính. Các tài sản này bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ, chứng khoán phái sinh.

2.2.2 Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ lệ đầu tư tối đa 70% tài sản vào cổ phiếu hoặc 50% tài sản vào trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ. Tuy nhiên tỷ lệ này là không cố định. Ví dụ, khi thị trường chứng khoán đối mặt với nhiều biến động, Quỹ có thể gia tăng tỷ trọng đầu tư vào các tài sản có thu nhập ổn định có tính thanh khoản cao như tiền mặt, tiền gửi, giấy tờ có giá, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ phòng vệ tài chính. Như vậy, tùy theo diễn biến của môi trường kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán mà Quỹ sẽ linh hoạt thực hiện chiến lược phân bổ tài sản hợp lý giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập ổn định khác nhằm tối đa hóa lợi ích của Nhà đầu tư và hạn chế rủi ro cho danh mục.

2.2.3 Lĩnh vực đầu tư: Với chiến lược đầu tư như đã đề cập ở trên, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian dựa theo tiềm năng tăng trưởng của cổ phiếu và tùy vào mức độ thanh khoản của các cổ phiếu trên thị trường.

Dưới đây là các nhóm ngành nghề đầu tư dự kiến của Quỹ đầu tư. Cơ cấu tỷ trọng theo ngành nghề thay đổi phụ thuộc vào thanh khoản của thị trường và tỷ trọng các khoản đầu tư không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại quy định về Hạn chế đầu tư. Các ngành nghề bao gồm:

- Thực phẩm - Nước giải khát
- Vật liệu - Khai khoáng
- Năng lượng
- Bán lẻ
- Ngân hàng - Dịch vụ tài chính
- Cơ sở hạ tầng - Bất động sản
- Hàng hóa công nghiệp
- Tiện ích công cộng
- Hàng tiêu dùng
- Bảo hiểm
- Dược phẩm
- Dệt may-Thiết bị phụ tùng
- Vận tải

2.3 Tài sản được đầu tư và cơ cấu đầu tư

Quỹ sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- (a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- (b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- (c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- (d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- (e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật.

Việc Quỹ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm (e) này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- (i) Có quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch;
- (ii) Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- (iii) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;

- (iv) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát;
 - (v) Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do Công ty Quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng Giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro;
 - (vi) Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (e) này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công ty Quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.
- (f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ.

Việc Quỹ đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm (f) này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- (i) Quỹ đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;
 - (ii) Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ.
 - (iii) Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do Công ty Quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện Quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng Giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.
- (g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ; và
- (h) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

2.4 Các hạn mức đầu tư

2.4.1 Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.

2.4.2 Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:

- (a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm (a), (b) mục 2.3;
- (b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (a), (b), (d), (e), (f) và (h) mục 2.3 phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng

một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Điều lệ Quỹ; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;

- (c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm (a), (b) mục 2.3 của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (e) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (e) mục 2.3, trong đó, không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (e) mục 2.3 hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (e) mục 2.3 và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (e) mục 2.3 hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;
- (f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ; trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm (b), (d), (e), (g) và (h) mục 2.3 (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;
- (g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- (h) Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của chính Quỹ đó;
- (i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.
- (j) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty Quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- (k) Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm.

2.4.3 Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (j) mục 2.4.2 và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- (b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

- (d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- (e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2.4.4 Công ty quản lý có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của quỹ như sau:

- (a) Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm (a), (b), (c) và (d) mục 2.4.3, Công ty Quản lý quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại mục 2.4.2.
- (b) Trường hợp sai lệch do Công ty Quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
- (c) Trong thời hạn quy định kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2.4.5 Công ty Quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm (a), (b) mục 2.3 phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

2.4.6 Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- (a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- (b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- (c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.
- (d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

2.5 Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

- (a) Công ty Quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- (b) Công ty Quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- (c) Công ty Quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty Quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

- (d) Quý được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

2.6 Phương pháp lựa chọn đầu tư

(a) Đầu tư cổ phiếu:

- (i) Quý sẽ lựa chọn phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững của lợi nhuận và rủi ro của các khoản đầu tư. Một khi các cổ phiếu đã được lựa chọn, Quý sẽ tiếp tục theo dõi và chủ động trong quản lý danh mục với mục tiêu quản trị rủi ro và khả năng sinh lợi của các khoản đầu tư. Ngoài ra, Quý cũng sử dụng kết hợp những công cụ và chỉ báo phân tích định lượng để tối ưu hoá hiệu suất sinh lời tương ứng mức rủi ro của thị trường và các cổ phiếu ở từng thời điểm.
- (ii) Phương pháp đầu tư của Quý sẽ dựa trên các đánh giá chuyên sâu của đội ngũ phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô, triển vọng ngành và tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận tương quan với rủi ro nội tại của các loại chứng khoán phát hành bởi các doanh nghiệp mà Quý được phép đầu tư, nhằm tìm kiếm lợi nhuận dài hạn vào các công ty thuộc đa ngành nghề lĩnh vực kinh doanh và vốn hóa.

(b) Đầu tư các tài sản có thu nhập ổn định:

- (i) Quý sẽ thực hiện quy trình nghiên cứu, đánh giá, thẩm định đầu tư và áp dụng chiến lược đầu tư năng động để gia tăng lợi nhuận cho danh mục đầu tư trong việc quản lý Quý.
- (ii) Căn cứ vào các đánh giá, nghiên cứu cơ bản kinh tế vĩ mô, biến động và xu hướng trên thị trường tiền tệ, xu hướng lãi suất trong từng giai đoạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản cho phù hợp với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư, đồng thời duy trì mức thanh khoản phù hợp của danh mục để đáp ứng việc duy trì tần suất giao dịch của Quý.
- (iii) Với các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi, Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành, và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp khi ra quyết định đầu tư.

2.7 Nguyên tắc, phương thức xác định Giá trị tài sản ròng của Quý

- (a) Giá trị tài sản ròng của Quý được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quý sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của Quý tại ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Tổng nợ phải trả của Quý là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quý tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định giá. Tổng giá trị tài sản của Quý được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có biến động bất thường theo quy định tại Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quý chấp thuận bằng văn bản).
- (b) Ngân hàng Giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định giá tài sản ròng (bao gồm tổng tài sản và tổng nợ phải trả) của Quý đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quý là đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quý.

Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quý được quy định tại Điều X.4 của Bản cáo bạch này.

3. Đặc trưng của Chứng chỉ Quý

3.1 Nhà đầu tư

Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng chỉ Quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ sở hữu.

3.2 Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
- (b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
- (c) Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ;
- (d) Khởi kiện Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
- (e) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
- (f) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
- (g) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;
- (h) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
- (i) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư và có nghĩa vụ chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- (j) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
- (k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.

Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 5% và từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có thể có thêm các quyền về xem xét và trích lục thông tin, quản trị, yêu cầu Công ty Quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường, đề cử nhân sự Ban đại diện Quỹ như được quy định cụ thể tại Điều lệ Quỹ và theo quy định pháp luật.

3.3 Sổ đăng ký Nhà đầu tư

Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời Sổ đăng ký Nhà đầu tư từ khi Quỹ hoàn tất đợt chào bán ra công chúng lần đầu.

Công ty Quản lý quỹ, Tổ chức cung cấp Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

3.4 Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư

Tất cả các Nhà đầu tư có tên trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư. Mỗi Đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết.

4. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định, được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận và được UBCKNN chấp thuận.

Việc giải thể Quỹ phải được tiến hành trong các trường hợp quy định tại Điều 67 Điều lệ Quỹ và thực hiện theo quy định pháp luật.

5. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Các quy định về giao dịch Chứng chỉ Quỹ, giá phát hành, giá mua lại, mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ và thừa kế Chứng chỉ Quỹ được thể hiện tại các Điều từ 16 cho đến 19 của Điều lệ Quỹ.

Quy trình nhận lệnh bán, điều kiện thực hiện lệnh bán, quy trình nhận lệnh mua, điều kiện thực hiện lệnh mua, quy trình nhận lệnh chuyển đổi, điều kiện thực hiện lệnh chuyển đổi và các trường hợp mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ được trình bày cụ thể tại Chương X của Bản Cáo Bạch này, cụ thể:

5.1 Quy trình nhận lệnh bán, điều kiện thực hiện lệnh bán

Được trình bày chi tiết tại Điều X.3.13.3 Chương X của Bản cáo bạch này.

5.2 Quy trình nhận lệnh mua, điều kiện thực hiện lệnh mua

Được trình bày chi tiết tại Điều X.3.13.2 Chương X của Bản cáo bạch này.

5.3 Quy trình nhận lệnh chuyển đổi, điều kiện thực hiện lệnh chuyển đổi

Được trình bày chi tiết tại Điều X.3.13.4 Chương X của Bản cáo bạch này.

5.4 Các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch, mức phòng vệ thanh khoản

- Các trường hợp thực hiện một phần lệnh giao dịch được trình bày chi tiết tại Điều X.3.13.6 Chương X của Bản cáo bạch này.
- Các trường hợp tạm dừng giao dịch được trình bày chi tiết tại Điều X.3.13.7 Chương X của Bản cáo bạch này.
- Trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản được trình bày chi tiết tại Điều X.3.13.8 Chương X của Bản cáo bạch này.

6. Nguyên tắc xác định giá giao dịch Đơn vị Quỹ

Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Chương XI của Điều lệ Quỹ, bao gồm 5 điều, từ Điều 55 đến Điều 59, quy định về xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, quy trình định giá tài sản quỹ, đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và quỹ do định giá sai, và nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.

Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ được trình bày cụ thể tại Điều X.4 Chương X của Bản Cáo Bạch này, cụ thể:

6.1 Tần suất định giá và phương pháp xác định giá giao dịch trên một Đơn vị Quỹ

(a) Tần suất định giá được trình bày chi tiết tại Điều X.4.1 Chương X của Bản cáo bạch này.

(b) Phương pháp xác định giá giao dịch trên một Đơn vị Quỹ:

- Giá phát hành (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng): bằng mệnh giá cộng thêm Giá dịch vụ phát hành;
- Giá bán: được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng thêm Giá dịch vụ phát hành;
- Giá mua lại: được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ tính tại Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi Giá dịch vụ mua lại,

Trong đó, giá trị tài sản ròng của một Đơn vị Quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao dịch gần nhất trước Ngày Định giá.

6.2 Công bố thông tin về giá giao dịch

Việc công bố Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ được thực hiện tại Ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định giá đối với kỳ định giá ngày.

7. Các mức giá dịch vụ do Nhà đầu tư trả

Các mức Giá dịch vụ do Nhà đầu tư trả được quy định tại Điều 62 Chương XIII của Điều lệ Quỹ. Các giá dịch vụ do Nhà đầu tư trả bao gồm (i) giá dịch vụ phát hành, (ii) giá dịch vụ mua lại và (iii) giá dịch vụ chuyển đổi. Thông tin chi tiết về giá dịch vụ được trình bày tại Điều X.3.5, X.3.6, và X.3.7 Chương X của Bản cáo bạch.

Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức tối đa tương ứng được nêu tại các mục trên. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

8. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà Quỹ phải trả

Quy định về các loại giá dịch vụ, phí và các chi phí hoạt động mà Quỹ phải chi trả được quy định tại Chương XIII của Điều lệ Quỹ, bao gồm Điều 63 và Điều 64. Giá dịch vụ này bao gồm giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ giám sát và lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí hạch toán vào Quỹ. Thông tin chi tiết về giá dịch vụ được trình bày tại Chương XI của Bản cáo bạch, cụ thể:

8.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ

Được trình bày chi tiết tại Điều XI.3.1.1 Chương XI của Bản cáo bạch.

8.2 Giá dịch vụ giám sát và lưu ký

Được trình bày chi tiết Điều XI.3.2 Chương XI của Bản cáo bạch.

8.3 Giá dịch vụ quản trị quỹ

Được trình bày chi tiết tại Điều XI.3.1.2 Chương XI của Bản cáo bạch.

8.4 Giá Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

Được trình bày chi tiết tại Điều XI.3.1.3 Chương XI của Bản cáo bạch.

8.5 Chi phí hạch toán vào Quỹ

8.5.1 Chi phí của Quỹ (do Quỹ chi trả):

Công ty Quản lý Quỹ sẽ thay mặt Quỹ để thực hiện ký kết các hợp đồng dịch vụ hợp lý, hợp lệ cho Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ cho các chi phí của Quỹ, bao gồm:

- (a) Chi phí quản lý tài sản phải trả cho Công ty Quản lý quỹ;
- (b) Chi phí lưu ký tài sản Quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát;
- (c) Chi phí Dịch vụ Quản trị quỹ, chi phí Dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng và các chi phí hợp lệ khác mà Công ty Quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- (d) Chi phí kiểm toán trả cho Công ty Kiểm toán;
- (e) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- (f) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ;
- (g) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- (h) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;

- (i) Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của Nhà đầu tư;
- (j) Thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ. Thành viên của Ban đại diện Quỹ hoặc Thư ký Ban đại diện Quỹ là nhân viên của DCVFM sẽ không nhận thù lao;
- (k) Chi phí về bảo hiểm (nếu có);
- (l) Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép Quỹ);
- (m) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- (n) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- (o) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật;
- (p) Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;
- (q) Giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);
- (r) Công ty Quản lý quỹ và Đại lý Phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm Quỹ;
- (s) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

- (a) Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ sẽ không phân phối lợi nhuận. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- (b) Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán Chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật.

10. Đại hội Nhà đầu tư

10.1 Đại hội Nhà đầu tư

- (a) Quỹ không bắt buộc phải tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên.
- (b) Đại hội Nhà đầu tư được triệu tập trong các trường hợp được quy định tại Điều lệ Quỹ.
- (c) Tất cả các Nhà đầu tư có tên trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư.

10.2 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà đầu tư

- (a) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên của Ban đại diện Quỹ;
- (b) Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
- (c) Thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát;
- (d) Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
- (e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ,
- (f) Phương án phân phối lợi tức;
- (g) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ;
- (h) Quyết định thay đổi Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát;

- (i) Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
- (j) Thông qua báo cáo tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
- (k) Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có);
- (l) Giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách quỹ, thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;
- (m) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.

10.3 Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội Nhà đầu tư

- (a) Công ty Quản lý quỹ triệu tập, tổ chức Đại hội Nhà đầu tư. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Nhà đầu tư tham dự.
- (b) Điều kiện, thể thức chi tiết được quy định tại Điều 24 Điều lệ Quỹ.

10.4 Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

- (a) Các quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành hoặc năm mươi phần trăm (50%) tổng số biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, ngoại trừ quyết định về các vấn đề đặc biệt được nêu cụ thể tại Điều lệ Quỹ thì chỉ được thông qua khi có trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành và phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.
- (b) Nhà đầu tư phản đối các quyết định của Đại hội Nhà đầu tư liên quan đến các vấn đề đặc biệt như được quy định chi tiết tại Mục 5 Điều 25 Điều lệ Quỹ có quyền yêu cầu Công ty Quản lý quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình sở hữu hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công ty Quản lý quỹ, chi tiết như quy định tại Điều 26 Điều lệ Quỹ.

11. Ban đại diện Quỹ

11.1 Tổ chức Ban đại diện Quỹ

- (a) Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban đại diện Quỹ là các thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này và đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ Quỹ (nếu có). Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện Quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- (b) Thành phần dự kiến của Ban đại diện Quỹ như sau:
 - Ông Phạm Phú Khôi: Chủ tịch, Thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ
 - Bà Đoàn Thị Thu Giang: Thành viên độc lập Ban Đại Diện Quỹ
 - Ông Nguyễn Xuân Phát: Thành viên không độc lập Ban Đại Diện Quỹ

11.2 Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

- (a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- (b) Không nhất thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập;
- (c) Không thuộc các trường hợp không được là thành viên Ban đại diện Quỹ sau đây:
 - (i) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;
 - (ii) Là thành viên của trên 05 ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

11.3 Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện được quy định chi tiết tại Điều 29 Điều lệ Quỹ.

11.4 Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ được quy định chi tiết tại Điều 31 Điều lệ Quỹ.

11.5 Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.

11.6 Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ

Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ được quy định cụ thể tại Điều 33 Điều lệ Quỹ.

11.7 Người đại diện theo ủy quyền của thành viên Ban đại diện Quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ có thể ủy quyền cho người đại diện hợp thay và biểu quyết tại cuộc họp Ban đại diện Quỹ.

11.8 Biên bản họp Ban đại diện Quỹ

- (a) Điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp Ban đại diện Quỹ theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Quỹ. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ độc lập dự họp thông qua.
- (b) Cuộc họp Ban đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực.

12. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ

12.1 Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý quỹ

Công ty Quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ;
- (b) hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát;
- (c) có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ; và
- (d) đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ.

12.2 Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý quỹ

Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ được quy định chi tiết tại Điều 36 Điều lệ Quỹ.

12.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý quỹ

Công ty Quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp được quy định tại Điều 37.1 Điều lệ Quỹ. Trình tự, thủ tục, trách nhiệm, chi phí bồi thường liên quan đến việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ được quy định chi tiết tại Điều 37 Điều lệ Quỹ.

12.4 Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý quỹ

- (a) Công ty Quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng lưu ký của Quỹ. Một số quản lý và các nhân viên của Công ty Quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại;
- (b) Thành viên hội đồng quản trị, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ, phí đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ;
- (c) Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ bảo đảm tuân thủ các hạn chế để bảo toàn tài sản của Quỹ, quy định chi tiết tại Điều 38.3 Điều lệ Quỹ;
- (d) Công ty Quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ hai mươi lăm phần trăm (25%) trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại Điều 38.4 Điều lệ Quỹ;
- (e) Công ty Quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán;
- (f) Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

13. Tiêu chuẩn lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

13.1 Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
- (b) Ngân hàng Giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý quỹ mà Ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân hàng Giám sát, thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban tổng giám đốc, nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý quỹ và ngược lại;
- (c) Ngân hàng Giám sát, thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban tổng giám đốc, nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ;
- (d) Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký; và
- (e) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được quy định tại Điều lệ Quỹ.

13.2 Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Giám sát

Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định chi tiết tại Điều 40 Điều lệ Quỹ.

13.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quý trong các trường hợp được quy định tại Điều 42 Điều lệ Quý, và quyền và nghĩa vụ đối với Quý của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng Giám sát khác, ngân hàng lưu ký khác theo quy định của pháp luật.

14. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

- (a) Công ty Quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) Công ty Kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn.
- (b) Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.
- (c) Quý sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quý do các cơ quan có thẩm quyền quy định.
- (d) Báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên / kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công ty Kiểm toán. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quý phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quý và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.



11/3/2024 14:17:17

PHỤ LỤC 4. ĐIỀU LỆ QUỸ

Đính kèm



QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG DC (DCBA)

---o0o---

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TP. Hồ Chí Minh, tháng __ năm 2026

MỤC LỤC

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
2. CÁC ĐỊNH NGHĨA	5
Chương I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	7
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ	7
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ	8
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức	8
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán	8
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ	8
Điều 6. Công ty Quản lý quỹ	8
Điều 7. Ngân hàng Giám sát	9
Chương II CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	9
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	9
Điều 9. Chiến lược đầu tư	9
Điều 10. Hạn mức đầu tư	11
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ	13
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư	13
Chương III NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	14
Điều 13. Nhà đầu tư	14
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư	14
Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư	15
Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ	16
Điều 17. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, mức phòng vệ thanh khoản	18
Điều 18. Giá phát hành, giá mua lại	20
Điều 19. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ	20
Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ	21
Chương IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	21
Điều 21. Đại hội nhà đầu tư	21
Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư bất thường	21
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà đầu tư	21
Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư	22
Điều 25. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư	22
Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư	24
Chương V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	24
Điều 27. Ban đại diện Quỹ	24
Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ	26
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ	26
Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ	27
Điều 31. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ	27
Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ	27
Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ	27
Điều 34. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ	28
Chương VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	29
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý quỹ	29
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ:	29
Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý quỹ	33
Điều 38. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý quỹ	34
Chương VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	35

Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát.....	35
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát.....	35
Điều 41. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát.....	36
Điều 42. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát.....	37
Chương VIII CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	38
Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền.....	38
Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	38
Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	38
Điều 46. Trách nhiệm của Công ty Quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	39
Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	40
Chương IX ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI.....	40
Điều 48. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ.....	40
Điều 49. Hoạt động của đại lý phân phối.....	41
Điều 50. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ.....	42
Chương X KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	43
Điều 51. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán.....	43
Điều 52. Năm tài chính.....	43
Điều 53. Chế độ kế toán.....	44
Điều 54. Báo cáo tài chính.....	44
Điều 55. Báo cáo khác.....	44
Chương XI PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ.....	44
Điều 56. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.....	44
Điều 57. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.....	45
Điều 58. Quy trình định giá tài sản quỹ.....	52
Điều 59. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ.....	52
Điều 60. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	53
Chương XII THU NHẬP VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	53
Điều 61. Thu nhập của quỹ.....	53
Điều 62. Phân phối lợi nhuận.....	53
Chương XIII GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG.....	53
Điều 63. Các loại giá dịch vụ do Nhà đầu tư trả.....	53
Điều 64. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả.....	54
Điều 65. Chi phí của quỹ.....	56
Chương XIV TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ.....	57
Điều 66. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập.....	57
Điều 67. Các điều kiện tách quỹ.....	57
Điều 68. Các điều kiện giải thể Quỹ.....	57
Chương XV GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	58
Điều 69. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý quỹ.....	58
Chương XVI CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	58
Điều 70. Công bố thông tin.....	58
Điều 71. Thay đổi điều lệ.....	58
Điều 72. Đăng ký điều lệ.....	59
Điều 73. Điều khoản thi hành.....	59
Phụ Lục 1. CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	61
Phụ Lục 2. CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	63
Phụ Lục 3. CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	64

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng DC (DCBA) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.
- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022;
- Luật số 76/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Luật số 56/2024/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 09 năm 2025;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng

ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;

- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 05 năm 2025;
- Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013; và
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

“Quỹ”	Là Quỹ Đầu Tư Cân Bằng DC, là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng và được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
“Công ty Quản lý quỹ”	Nghĩa là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm), với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam được Nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Chương VI của Điều lệ này.
“Ngân hàng Giám sát”	Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam), là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm), thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này.
“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
“Điều lệ quỹ”	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).

“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành Chứng chỉ Quỹ.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài sở hữu Chứng chỉ Quỹ.
“Đại hội Nhà đầu tư”	Là đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng.
“Đơn vị quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ”	là loại chứng khoán do Công ty Quản lý quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 Chứng chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
“Giá bán/ Giá phát hành”	Là mức giá mà Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/ Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ này.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà Công ty Quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ này.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ này.
“Giá dịch vụ phát hành”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị Chứng chỉ Quỹ từ Quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) Chứng chỉ Quỹ.
“Mức phòng vệ thanh khoản”	Là mức áp dụng đối với Nhà đầu tư khi thực hiện bán Chứng chỉ Quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của Quỹ sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng.
“Giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho Nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch được quy định tại Điều lệ này.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty Quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.
“Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ”	Là ngày mà Công ty Quản lý quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ, từ Nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ được quy định tại Điều lệ quỹ này.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
“Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư”	Là dịch vụ được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ; - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với Công ty Quản lý quỹ;
“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”	Là dịch vụ được Công ty Quản lý quỹ tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> - Lập và quản lý Sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ, tài khoản ký danh của đại lý phân phối và các tiểu khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư; Xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật Sổ chính; - Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư; - Duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác; - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với Công ty Quản lý quỹ.
“Đại lý phân phối”	Là Công ty Quản lý quỹ và/hoặc tổ chức đã ký hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ với Công ty Quản lý quỹ.
“Đại lý ký danh”	Là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư tại sổ phụ.
“Người có liên quan”	Theo khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên Quỹ đại chúng: Quỹ Đầu Tư Cân Bằng DC
Tên tiếng Anh: DC Balanced Fund
Tên viết tắt: DCBA
Địa chỉ liên hệ: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Điện thoại: (84-28) 38251488
Fax: (84-28) 38251489
Website: www.dragoncapital.com.vn

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Quỹ không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức

1. Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ phải mua lại Chứng chỉ Quỹ đã được phát hành cho Nhà đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
4. Ban đại diện Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Công ty Quản lý quỹ được chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán

1. Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của Nhà đầu tư tạo thành. Nhà đầu tư/ người được Nhà đầu tư ủy quyền góp vốn bằng tiền Việt Nam Đồng dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát.
2. Vốn điều lệ dự kiến huy động tối thiểu lần đầu của Quỹ là năm mươi (50) tỷ đồng Việt Nam, tương ứng với năm triệu (5.000.000) đơn vị quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là mười ngàn (10.000) đồng.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ

1. Quỹ chỉ định Công ty Quản lý quỹ làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng chỉ Quỹ.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty Quản lý quỹ

- Công ty Quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).
Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam là Công ty Quản lý quỹ chính thức của Quỹ. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan (nếu có).
- Công ty Quản lý quỹ có trụ sở chính tại:
Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP. HCM, Việt Nam
Điện thoại: (84-28) 38251488 Fax: (84-28) 38251489

Điều 7. Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/05/2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm), cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này

Văn phòng chính: Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-24) 3936 8000, Fax: (84-24) 3837 8356

Chương II CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ vừa hướng đến tối đa hóa lợi nhuận từ việc đầu tư vào cổ phiếu vừa tạo nguồn thu nhập ổn định và giảm rủi ro thông qua đầu tư vào trái phiếu và các tài sản cố định khác phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam, Bản cáo bạch và Điều lệ quỹ. Các doanh nghiệp mà Quỹ lựa chọn đầu tư là các doanh nghiệp có tiềm năng tăng trưởng cao, chất lượng tài sản tốt và có mức định giá hấp dẫn.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ là đầu tư năng động vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các tài sản có thu nhập ổn định trên thị trường tài chính. Các tài sản này bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ, chứng khoán phái sinh.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ lệ đầu tư tối đa 70% tài sản vào cổ phiếu hoặc 50% tài sản vào trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ. Tuy nhiên tỷ lệ này là không cố định. Ví dụ, khi thị trường chứng khoán đối mặt với nhiều biến động, quỹ có thể gia tăng tỷ trọng đầu tư vào các tài sản có thu nhập ổn định có tính thanh khoản cao như tiền mặt, tiền gửi, giấy tờ có giá, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ phòng vệ tài chính. Như vậy, tùy theo diễn biến của môi trường kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán mà Quỹ sẽ linh hoạt thực hiện chiến lược phân bổ tài sản hợp lý giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập ổn định khác nhằm tối đa hóa lợi ích của Nhà đầu tư và hạn chế rủi ro cho danh mục.

1. Cơ cấu đầu tư:

Quỹ sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- (a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- (b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- (c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- (d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;

- (e) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quý thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng theo quy định pháp luật.

Việc Quý đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm (e) khoản 1 này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- (i) Có quy định tại Điều lệ Quý và Bản cáo bạch;
 - (ii) Đã được Ban đại diện Quý chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - (iii) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - (iv) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát;
 - (v) Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do Công ty Quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện Quý phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng Giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro;
 - (vi) Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (e) khoản 1 Điều này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, Công ty Quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.
- (f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quý đang nắm giữ.

Việc Quý đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm (f) khoản 1 này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- (i) Quý đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;
- (ii) Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh dùng để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quý.
- (iii) Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do Công ty Quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện

Quý phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho Ngân hàng Giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.

- (g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ; và
- (h) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

2. Lĩnh vực đầu tư:

Với chiến lược đầu tư như đã đề cập ở trên, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian dựa theo tiềm năng tăng trưởng của cổ phiếu và tùy vào mức độ thanh khoản của các cổ phiếu trên thị trường.

Dưới đây là các nhóm ngành nghề đầu tư dự kiến của Quỹ đầu tư. Cơ cấu tỷ trọng theo ngành nghề thay đổi phụ thuộc vào thanh khoản của thị trường và tỷ trọng các khoản đầu tư không vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại quy định về Hạn chế đầu tư. Các ngành nghề bao gồm:

- Thực phẩm - Nước giải khát
- Vật liệu - Khai khoáng
- Năng lượng
- Bán lẻ
- Ngân hàng - Dịch vụ tài chính
- Cơ sở hạ tầng - Bất động sản
- Hàng hóa công nghiệp
- Tiện ích công cộng
- Hàng tiêu dùng
- Bảo hiểm
- Dược phẩm
- Dệt may – Thiết bị phụ tùng
- Vận tải

Điều 10. Hạn mức đầu tư

1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 9 Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo:
 - (a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm (a), (b) khoản 1 Điều 9 Điều lệ này;
 - (b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (a), (b), (d), (e), (f) và (h) khoản 1 Điều 9 Điều lệ này phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Điều lệ này; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức

phát hành chứng quyền;

- (c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm (a), (b) khoản 1 Điều 9 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - (d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - (e) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (e) khoản 1 Điều 9 Điều lệ này, trong đó, không được đầu tư quá năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (e) khoản 1 Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm (e) khoản 1 Điều 9 Điều lệ này và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm (e) khoản 1 Điều 9 Điều lệ này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;
 - (f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ; trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm (b), (d), (e), (g) và (h) khoản 1 Điều 9 Điều lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;
 - (g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
 - (h) Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của chính Quỹ;
 - (i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.
 - (j) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
 - (k) Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm.
3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (j) khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- (a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - (b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
 - (c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - (d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - (e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

4. Công ty quản lý có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của quỹ như sau:
- (a) Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm (a), (b), (c) và (d) khoản 3 Điều này, Công ty Quản lý quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này.
 - (b) Trường hợp sai lệch do Công ty Quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
 - (c) Trong thời hạn quy định kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
5. Công ty Quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm (a), (b) khoản 1 Điều 9 Điều lệ này phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.
6. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
- (a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - (b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - (c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.
 - (d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty Quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty Quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty Quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Đầu tư cổ phiếu:

- (a) Quỹ sẽ lựa chọn phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững của lợi nhuận và rủi ro của các khoản đầu tư. Một khi các cổ phiếu đã được lựa chọn, Quỹ sẽ tiếp tục theo dõi và chủ động trong quản lý danh mục với mục tiêu quản trị rủi ro và khả năng sinh lợi của các khoản đầu tư. Ngoài ra, Quỹ cũng sử dụng kết hợp những công cụ và chỉ báo phân tích định lượng để tối ưu hoá hiệu suất sinh lời tương ứng mức rủi ro của thị trường và các cổ phiếu ở từng thời điểm.
 - (b) Phương pháp đầu tư của Quỹ sẽ dựa trên các đánh giá chuyên sâu của đội ngũ phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô, triển vọng ngành và tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận tương quan với rủi ro nội tại của các loại chứng khoán phát hành bởi các doanh nghiệp mà Quỹ được phép đầu tư, nhằm tìm kiếm lợi nhuận dài hạn vào các công ty thuộc đa ngành nghề lĩnh vực kinh doanh và vốn hóa.
2. Đầu tư các tài sản có thu nhập ổn định:
- (a) Quỹ sẽ thực hiện quy trình nghiên cứu, đánh giá, thẩm định đầu tư và áp dụng chiến lược đầu tư năng động để gia tăng lợi nhuận cho danh mục đầu tư trong việc quản lý Quỹ.
 - (b) Căn cứ vào các đánh giá, nghiên cứu cơ bản kinh tế vĩ mô, biến động và xu hướng trên thị trường tiền tệ, xu hướng lãi suất trong từng giai đoạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản cho phù hợp với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư, đồng thời duy trì mức thanh khoản phù hợp của danh mục để đáp ứng việc duy trì tần suất giao dịch của Quỹ.
 - (c) Với các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi, Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành, và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp khi ra quyết định đầu tư.

Chương III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng chỉ Quỹ. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà đầu tư tổ chức ký.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - (a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
 - (b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ đầu tư chứng khoán;
 - (c) Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ;
 - (d) Khởi kiện Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
 - (e) Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - (f) Quyền tự do chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
 - (g) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;

- (h) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - (i) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư và có nghĩa vụ chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư
 - (j) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Báo cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
 - (k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.
2. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
- (a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân hàng Giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - (b) Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - (i) Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - (ii) Ban đại diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;
 - (c) Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát phải trả lời Nhà đầu tư;
 - (d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
 - (e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
3. Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm (b) khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời sổ đăng ký nhà đầu tư. Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Sổ chính, sổ phụ phải có các nội dung sau:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng Giám sát; tên đầy đủ của quỹ; mã chứng khoán niêm yết của quỹ (nếu có);
 - (b) Tổng số Chứng chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ;
 - (c) Thông tin Nhà đầu tư:
 - (i) Đối với cá nhân: Họ và tên Nhà đầu tư, số định danh cá nhân (đối với Nhà đầu tư mang quốc tịch Việt Nam), hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác còn hiệu lực, mã số giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài), địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
 - (ii) Đối với tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, mã số giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài); địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ liên lạc, số fax; thông tin về người đại diện pháp luật và người được ủy quyền (bao gồm các thông tin như với Nhà đầu tư cá nhân nêu trên).
 - (d) Số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của Nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với Nhà đầu tư nước ngoài);
 - (e) Số lượng và tỷ lệ sở hữu Chứng chỉ Quỹ, ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;
 - (f) Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.
2. Công ty Quản lý quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư, kể cả Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.
3. Sổ đăng ký nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và Công ty Quản lý quỹ.

Điều 16. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ.
2. Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ là hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần. Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết, các ngày làm việc bù vào ngày thứ 7 và/hoặc chủ nhật, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nêu trên xảy ra trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ hoặc bằng thư điện tử.

Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.
3. Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h30 phút ngày T-1, trong đó ngày T là Ngày định giá và Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày nghỉ, ngày Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ hoặc bằng thư điện tử.
4. Phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các đợt phát hành
 - (a) Lệnh mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư

- Giá trị mua tối thiểu cho các lần mua Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Bản cáo bạch của quỹ.
- Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng.
- Cách thức giải quyết đối với các trường hợp mà tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hoặc nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua, hoặc các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành}(\%))}{\text{NAV của đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch}}$$
- Quy trình nhận và thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.

(b) Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư

- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đăng ký bán tối thiểu, số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch của quỹ.
- Cách thức giải quyết đối với các trường hợp mà số lượng đăng ký bán dẫn tới số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại trong tài khoản nhỏ hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, hoặc các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ. Lệnh bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.
- Nhà đầu tư thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán theo quy định của pháp luật.
- Việc thanh toán tiền bán Chứng chỉ Quỹ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư do Nhà đầu tư chỉ định theo quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của quỹ bằng tiền Việt Nam Đồng. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do Nhà đầu tư chịu.
- Thời hạn thanh toán tiền bán Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
- Số tiền bán Chứng chỉ Quỹ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị Bán được nhận} = \frac{\text{Số lượng CCQ được mua lại} \times \text{NAV của đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch} \times (1 - \text{Giá dịch vụ mua lại}(\%))}{\text{mua lại}}$$
- Quy trình nhận và thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.

(c) Lệnh chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở

- Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty DCVFM quản lý và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, ngoại trừ chuyển đổi qua Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) và các quỹ hoán đổi danh mục.
- Nguyên tắc thực hiện giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở, quy trình nhận và thực hiện lệnh chuyển đổi được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
- Công ty Quản lý quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến các thủ tục liên quan cho việc chuyển đổi quỹ và thông tin cụ thể đến Nhà đầu tư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý quỹ và hệ thống đại lý phân phối.

5. Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)
 - (a) Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) Chứng chỉ Quỹ cho một cá nhân/ tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối chỉ định.
 - (b) Quy trình nhận và thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại được quy định chi tiết tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
 - (c) Nhà đầu tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.
 - (d) Việc thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại sẽ được quy định tại Bản cáo bạch.
 - (e) Nhà đầu tư/ người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.
6. Công ty Quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ Quỹ với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà đầu tư khác theo Điều lệ này.
7. Trước thời điểm phân bổ kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ, nếu đại lý phân phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối phải thông báo cho Công ty Quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối chịu trách nhiệm trước Nhà đầu tư về các lỗi giao dịch.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, mức phòng vệ thanh khoản

1. Công ty Quản lý quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của Nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.
2. Công ty Quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - (a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn hoặc bằng năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
 - (b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà đầu tư dẫn tới:
 - (i) Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
 - (ii) Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - (iii) Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - (iv) Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch.
 - (c) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
 - (i) Tính thanh khoản của thị trường thấp do nguyên nhân khách quan và mang tính hệ thống; hoặc
 - (ii) Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
3. Đối với trường hợp quy định tại điểm (a) khoản 2 Điều này, Công ty Quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện Quỹ chấp thuận, kể từ Ngày giao dịch Chứng chỉ

Quý.

4. Đối với trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty Quản lý quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ, cụ thể như sau:

- (a) Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán, tổng giá trị các lệnh mua và tổng giá trị các lệnh chuyển đổi tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quý không vi phạm các điều kiện đáp ứng một phần lệnh của Nhà đầu tư theo quy định tại Điều này. Số lượng Chứng chỉ Quý được thực hiện cho Nhà đầu tư theo từng loại lệnh (bán/mua/chuyển đổi) trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$X_i = \text{SLDK}_i * \frac{\text{SLTT}}{\sum \text{SLDK}_i}$$

Trong đó:

X_i : số lượng Chứng chỉ Quý thực tế của Nhà đầu tư i được thực hiện (hay số lượng Chứng chỉ Quý khớp lệnh bán/mua/chuyển đổi). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy

SLDK_i : số lượng Chứng chỉ Quý mà Nhà đầu tư đăng ký giao dịch (bán/mua/chuyển đổi)

SLTT : tổng số lượng Chứng chỉ Quý mà Công ty Quản lý quỹ có thể đáp ứng cho từng loại lệnh tương ứng (bán/mua/chuyển đổi)

$\sum \text{SLDK}_i$: tổng số lượng Chứng chỉ Quý giao dịch cho từng loại lệnh tương ứng (bán/mua/chuyển đổi)

- (b) Cách thức giải quyết đối với các phần lệnh chưa được thực hiện được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quý.
- (c) Các thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà đầu tư.
5. Công ty Quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quý khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- (a) Công ty Quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quý mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
- (b) Công ty Quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quý mở do chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán;
- (c) Công ty Quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng quỹ để thực hiện sao lưu cơ sở dữ liệu giao dịch Chứng chỉ Quý của Nhà đầu tư khi chuyển đổi hệ thống, chương trình vận hành trong trường hợp thay đổi tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Thời gian tạm dừng không vượt quá ba (03) ngày làm việc và Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về việc tạm dừng giao dịch này trước mười (10) ngày trên trang thông tin điện tử của Quý/ Công ty Quản lý quỹ;
- (d) Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết.
6. Công ty Quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện Quý, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 5 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quý mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
7. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quý không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quý.
8. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quý theo quy định tại khoản 7 Điều này, Công ty Quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về

việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

9. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư.
10. Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với Nhà đầu tư khi thực hiện bán Chứng chỉ Quỹ trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau:
 - (a) Công ty Quản lý quỹ phải xây dựng chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với Nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Ban đại diện Quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của quỹ.
 - (b) Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa là 3%. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối.
 - (c) Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là 01 ngày làm việc kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Quản lý quỹ và thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Nội dung công bố thông tin, thông báo bao gồm nguyên nhân áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, thời điểm áp dụng, mức phòng vệ thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.
 - (d) Công ty Quản lý quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Quản lý quỹ, thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của quỹ chấm dứt.
 - (e) Đại lý phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của Công ty Quản lý quỹ.

Điều 18. Giá phát hành, giá mua lại

1. Giá phát hành là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá phát hành này được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sử dụng tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành Chứng chỉ Quỹ.
2. Giá mua lại là mức giá mà Công ty Quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sử dụng tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại. Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà Công ty Quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.
3. Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi, giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại được quy định tại chương XIII của Điều lệ này.

Điều 19. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký

nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế cho Công ty Quản lý quỹ hoặc các tổ chức được ủy quyền.

Điều 20. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trong trường hợp Quỹ bị thua lỗ, Nhà đầu tư gánh chịu khoản lỗ tương ứng với số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ hoặc có thể thực hiện bán lại Chứng chỉ Quỹ cho Công ty Quản lý quỹ.

Chương IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ. Tất cả các Nhà đầu tư có tên trong Sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
2. Quỹ không bắt buộc phải tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên.
3. Việc họp Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu lấy ý kiến được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư (bao gồm gửi thư, fax và thư điện tử). Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ thông qua quy chế của hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản, hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).
4. Chương trình và nội dung họp Đại hội Nhà đầu tư được Công ty Quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
5. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư do Quỹ thanh toán.

Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư bất thường

1. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư trong những trường hợp sau:
 - (a) Công ty Quản lý quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;
 - (b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại điểm (b) khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;
2. Việc tổ chức Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư;
3. Trường hợp Công ty Quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty Quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát thay thế Công ty Quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà đầu tư

Đại hội Nhà đầu tư quyết định những nội dung sau:

1. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên của Ban đại diện Quỹ;
2. Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;

3. Thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát;
4. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát và Ban đại diện Quỹ gây tổn thất cho quỹ;
5. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ,
6. Phương án phân phối lợi tức;
7. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ;
8. Quyết định thay đổi Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát;
9. Yêu cầu Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
10. Thông qua các báo cáo tình hình tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
11. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có);
12. Giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách quỹ theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành, thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
13. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về Chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền tham gia và biểu quyết trong trường hợp sau đây:
 - (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (b) Ủy quyền cho một người khác hoặc ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (d) Tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác;
 - (e) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
3. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
4. Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý quỹ.

Điều 25. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp

hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành.
4. Công ty Quản lý quỹ được lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội Nhà đầu tư.

Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản:

- (a) Công ty Quản lý quỹ có quyền lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- (b) Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- (c) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ, thông tin giấy phép của Quỹ;
 - Thông tin của Nhà đầu tư, tổng số Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty Quản lý quỹ;
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý quỹ và Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
- (d) Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi bằng chuyển phát, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Phiếu lấy ý kiến gửi bằng chuyển phát phải được đựng trong phong bì dán kín. Phiếu lấy ý kiến gửi bằng thư điện tử hoặc fax phải được bảo mật cho đến khi kiểm phiếu. Trong trường hợp gửi phiếu lấy ý kiến bằng thư điện tử thì Công ty Quản lý quỹ phải ghi rõ địa chỉ thư điện tử nhận phiếu lấy ý kiến, và Nhà đầu tư phải gửi bằng thư điện tử đã đăng ký tại Sở đăng ký nhà đầu tư.
- (e) Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký hoặc hình thức xác nhận hợp pháp khác của Nhà đầu tư là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư là tổ chức và được gửi về Công ty Quản lý quỹ trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ.
- (f) Công ty Quản lý quỹ thành lập ban kiểm phiếu, tổ chức việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu, nghị quyết, quyết định được thông qua đến các Nhà đầu tư trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn mà Nhà đầu tư phải gửi ý kiến về Công ty Quản lý quỹ. Biên bản kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Đại hội Nhà đầu tư và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ, thông tin giấy phép của Quỹ;
 - Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - Nghị quyết, quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của trưởng ban kiểm phiếu, chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc người được chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý quỹ hoặc người được người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý quỹ ủy quyền.
- (g) Ban kiểm phiếu, thành viên Ban đại diện Quỹ chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- (h) Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên cổng thông tin của Công ty Quản lý quỹ và UBCKNN

trong vòng hai mươi bốn giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết, quyết định được thông qua và các tài liệu khác có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý quỹ.

Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.

5. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:

(a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát;

(b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;

Quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành.

6. Công ty Quản lý quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ.

7. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý quỹ, Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản) và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Giám sát và cung cấp cho Nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Công ty Quản lý quỹ, Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội Nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư quỹ mở phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về việc các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát; thay đổi Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ có quyền yêu cầu Công ty Quản lý quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công ty Quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của Nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác của Công ty Quản lý quỹ. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tại kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công ty Quản lý quỹ nhận được yêu cầu của Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

Chương V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 27. Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư

hoặc được Nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quý phải tuân thủ quy định sau:

- (a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện Quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện Quý. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện Quý; các lợi ích có liên quan tới Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
 - (b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện Quý thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện Quý đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện Quý đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện Quý được công bố rõ ràng và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
 - (c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện Quý
 - (i) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, Ban đại diện Quý phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu;
 - (ii) Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban đại diện Quý thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của luật, Ban đại diện Quý đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ quỹ.
 - (iii) Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư sở hữu từ 10% tổng số Chứng chỉ Quỹ trở lên có quyền đề cử người vào Ban đại diện Quý, việc đề cử người vào Ban đại diện Quý thực hiện như sau:
 - + Nhà đầu tư hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban đại diện Quý phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Nhà đầu tư dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội Nhà đầu tư;
 - + Căn cứ số lượng thành viên Ban đại diện Quý, Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư làm ứng cử viên Ban đại diện Quý. Trường hợp số ứng cử viên được Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư thì số ứng cử viên còn lại do Ban đại diện Quý và các Nhà đầu tư khác đề cử.
2. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban đại diện Quý là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:
- (a) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;
 - (b) Đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ quỹ (nếu có).
3. Trong Ban đại diện Quý phải có:
- (a) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - (b) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - (c) Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật;

4. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban đại diện, thành viên Ban đại diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện Quỹ bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ này, hoặc trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, trong thời hạn 15 ngày sau khi có sự thay đổi, Ban đại diện Quỹ và Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho đến khi Đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
6. Công ty Quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện Quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ
 - (a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - (b) Không nhất thiết phải là Nhà đầu tư của Quỹ. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện Quỹ:
 - (a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;
 - (b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện Quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua để bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;
2. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;
3. Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối cho Nhà đầu tư theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua; thông qua thời điểm thực hiện, và thủ tục phân phối lợi nhuận;
4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
5. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ thị trường tiền tệ và phê duyệt việc đầu tư vào các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm (e) khoản 1 Điều 9 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch đầu tư vào tài sản theo phương thức thỏa thuận theo quy định của pháp luật;
6. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông

tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát;

7. Kiến nghị việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát;
8. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
9. Trên hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ trở lên có quyền quyết định triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường hoặc Ban đại diện Quỹ phiên bất thường;
10. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ quỹ;
11. Ban đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội Nhà đầu tư quyết định. Thành viên của Ban đại diện hoặc Thư ký Ban đại diện là nhân viên của Công ty Quản lý quỹ sẽ không nhận thù lao;

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
2. Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
3. Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ quỹ hoặc phù hợp với Quy chế Ban đại diện và tuân thủ đúng các quy định pháp luật;
4. Quyền, nghĩa vụ khác của thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và Điều lệ quỹ.

Điều 31. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
 - (c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
 - (d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này.

Điều 32. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư gần nhất.

Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:
 - (a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ này;

- (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (c) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
2. Đại hội Nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:
- (a) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện Quỹ trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
 - (c) Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - (d) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội Nhà đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ trong trường hợp sau đây:
- (a) Số thành viên Ban đại diện Quỹ bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ quỹ. Trường hợp này, Ban đại diện Quỹ phải triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - (b) Số lượng thành viên độc lập Ban đại diện Quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điều lệ;
 - (c) Trừ trường hợp quy định tại điểm (a) và điểm (b) khoản 4 này, Đại hội Nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện Quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 34. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
2. Ban đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ, Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện Quỹ.
3. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ít nhất 5 ngày.
5. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên, bao gồm cả người đại diện họp thay thành viên Ban đại diện tại phiên họp mà được ủy quyền biểu quyết, và cả những thành viên Ban đại diện không đến dự họp trực tiếp nhưng có gửi phiếu biểu quyết hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ độc lập dự họp thông qua.
6. Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
7. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công ty Quản lý quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện Quỹ.
8. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường

hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện Quý tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện Quý phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện Quý.

9. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quý sẽ do Quý thanh toán.

Chương VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý quỹ

Công ty Quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng Giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý quỹ:

1. Công ty Quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:
 - (a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ. Tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của quỹ.
 - (b) Khi quản lý tài sản của quỹ, Công ty Quản lý quỹ phải:
 - (i) Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với Ngân hàng Giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân hàng Giám sát;
 - (ii) Trường hợp đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi cho quỹ, Công ty Quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được phê duyệt; phải cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, lưu trữ bản gốc các hợp đồng tiền gửi và cung cấp các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát;
 - (iii) Trường hợp đầu tư vào phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch, trái phiếu chưa niêm yết cho quỹ; Công ty Quản lý quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ cho các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
 - (iv) Tách biệt tài sản của quỹ và tài sản của chính công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - (v) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của quỹ trên hệ thống tài khoản của quỹ quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của quỹ tại ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát với các tổ chức phát hành, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức nhận tiền gửi. Công ty Quản lý quỹ có trách

nhệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác.

- (vi) Thực hiện việc đầu tư tài sản quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;
 - (vii) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý quỹ, điều hành hoạt động đầu tư của mỗi quỹ đầu tư chứng khoán. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại bản cáo bạch.
- (c) Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Công ty Quản lý quỹ phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy trình quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quy trình tư vấn đầu tư chứng khoán và các quy trình nghiệp vụ khác phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán của công ty; quy trình kiểm soát nội bộ; sổ tay định giá; quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại hội Nhà đầu tư áp dụng chung cho các quỹ, Đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán; quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Trường hợp khách hàng ủy thác đầu tư chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.
- (d) Trong hoạt động quản trị quỹ, Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- (i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ;
 - (ii) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, Điều lệ quỹ;
- (e) Công ty Quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ, hoạt động đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty Quản lý quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động công ty quản lý quỹ và các quy định tại Điều lệ quỹ.
- (f) Công ty Quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân hàng Giám sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Giám sát để Ngân hàng Giám sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty Quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của quỹ với Ngân hàng Giám sát.
- (g) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ thì Công ty Quản lý quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho quỹ. Công ty Quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho quỹ.
- (h) Công ty Quản lý quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ quỹ.

- (i) Công ty Quản lý quỹ phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác. Quy định về việc tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa công ty và nhân viên.
- (j) Công ty Quản lý quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam và theo hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.
- (k) Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công ty Quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, Nhà đầu tư vào Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- (l) Công ty Quản lý quỹ thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại cho quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm (k) khoản 1 này.
- (m) Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng.
- (i) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng;
- (ii) Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- (iii) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối thông qua Công ty Quản lý quỹ phải thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- (iv) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.
- (n) Công ty Quản lý quỹ khi sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng ủy thác đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện.
- (o) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, Công ty Quản lý quỹ bảo đảm:
- (i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ;
- (ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là

người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của quỹ;

Quy định trên không áp dụng trong trường hợp Quỹ có thời gian hoạt động chưa đủ 6 tháng tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đến hết năm mà Quỹ đó được thành lập.

- (p) Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của quỹ, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của quỹ và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu
- (q) Công ty Quản lý quỹ phải bảo đảm:
 - (i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;
 - (ii) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.
 - (iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
- (r) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ phải tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch chứng khoán điện tử.
- (s) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý quỹ.

2. Công ty Quản lý quỹ có các quyền sau:

- (a) Lựa chọn ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 38 Điều lệ này;
- (b) Được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát và một số tổ chức được cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động quản lý quỹ thực hiện một số hoặc toàn bộ hoạt động quản trị quỹ. Công ty Quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền, và bảo đảm quan hệ ủy quyền trách nhiệm trong hoạt động quản trị quỹ cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;
- (c) Có quyền từ chối phát hành Chứng chỉ Quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho Nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- (d) Được thay mặt, đại diện cho quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của quỹ theo quy định của pháp luật;
- (e) Khi thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành, công ty cổ phần mà quỹ là cổ đông, Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát được ủy quyền thực hiện, phải bảo đảm ý kiến biểu quyết của mình là không gây bất kỳ ảnh hưởng nào tới quyết định mà các cổ đông khác tham gia biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;
- (f) Ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ.
- (g) Được hưởng các khoản giá dịch vụ, phí được quy định trong Điều lệ quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- (h) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.

C. T.
TY
QUẢN
LÝ
QUỸ
TƯ
APIT
NAM
P. HỒ



- (i) Được tham gia các cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
- (j) Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - (a) Công ty Quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác theo các quy định của Điều lệ quỹ;
 - (b) Theo yêu cầu của Đại hội Nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán;
 - (c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
 - (d) Tổ chức lại Công ty Quản lý quỹ;
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty Quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm (a), (c), (d) khoản 1 Điều này.
3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày khách hàng ủy thác thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ, công ty quản lý quỹ thay thế có trách nhiệm đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán liên quan đến việc thay đổi công ty quản lý quỹ.
4. Quyền và nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác của công ty quản lý quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản ủy thác, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản ủy thác, quyền, nghĩa vụ đối với khách hàng ủy thác cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày khách hàng ủy thác thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ.
5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bàn giao, công ty quản lý quỹ thay thế gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai công ty quản lý quỹ. Biên bản phải được khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác và ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát xác nhận.
6. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với khách hàng ủy thác mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế theo quy định tại khoản 5 Điều này.
7. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công ty Quản lý quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại điểm (b) khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công ty Quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty Quản lý quỹ
2.0%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1.5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công ty Quản lý quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 tuần liền trước thời điểm Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản lý quỹ đã được Ngân hàng Giám sát xác nhận.

Phí này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho Công ty Quản lý quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

Nếu Đại hội Nhà đầu tư quyết định thay đổi Công ty Quản lý quỹ vì lý do vi phạm các quy định pháp luật và quyết định này không bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phản đối thì Quỹ sẽ không phải trả cho Công ty Quản lý quỹ khoản phí nêu trên.

Điều 38. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng Giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ đầu tư chứng khoán. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Thành viên hội đồng quản trị, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ, phí đã được quy định rõ tại Điều lệ quỹ.
3. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, Công ty Quản lý quỹ bảo đảm:
 - (a) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính quỹ đó.
 - (b) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công ty Quản lý quỹ quản lý, ngoại trừ khách hàng ủy thác quản lý danh mục chỉ định đầu tư, khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện và các khách hàng này đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
 - (c) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
 - (d) Không được sử dụng tài sản của quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác;
 - (e) Việc đầu tư tài sản của quỹ vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán;
 - (f) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.
4. Công ty Quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) từ hai mươi lăm phần trăm (25%) trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ đóng đang lưu hành của một quỹ đóng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:
 - (a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

- (b) Công quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.
5. Công ty Quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
6. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

Chương VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Ngân hàng Giám sát do Công ty Quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán;
2. Ngân hàng Giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân hàng Giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý quỹ và ngược lại.
3. Ngân hàng Giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát:
 - (a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà đầu tư;
 - (b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
 - (c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
 - (d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
 - (e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát.
 - (f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
 - (g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
 - (h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban chứng khoán nhà nước;
 - (i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý quỹ;
 - (j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản

lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;

- (k) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- (l) Ngân hàng Giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ quỹ và hợp đồng giám sát.

2. Quyền của Ngân hàng Giám sát

- (a) Ngân hàng Giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ, phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
- (b) Được tham gia các cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.

Điều 41. Hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng Giám sát phải:

- (a) Phối hợp với Công ty Quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này.
- (b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ. Trong trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng Giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty Quản lý quỹ trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công ty Quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn quy định;

Trường hợp tài sản có đăng ký sở hữu thì phải được đăng ký, ghi nhận dưới tên của quỹ, trừ trường hợp tài sản phải đăng ký, ghi nhận dưới tên của Ngân hàng Giám sát hoặc tổ chức lưu ký phụ hoặc Công ty Quản lý quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan. Bản gốc các tài liệu pháp lý xác nhận quyền sở hữu tài sản của quỹ phải được lưu ký đầy đủ tại Ngân hàng Giám sát, trừ trường hợp là chứng khoán đã đăng ký, lưu ký tập trung. Trường hợp là chứng khoán phát hành dưới hình thức ghi sổ, hoặc việc chuyển quyền sở hữu cho quỹ chưa hoàn tất, bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng giao dịch và chứng từ giao dịch phải được lưu ký tại Ngân hàng Giám sát.

Trường hợp tài sản không được đăng ký sở hữu, hoặc chưa được kịp thời chuyển quyền sở hữu cho quỹ trong thời hạn quy định tại các thỏa thuận phát hành, hợp đồng chuyển nhượng, hợp đồng đầu tư hoặc các hợp đồng kinh tế tương đương, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm xác nhận rõ về tình trạng lưu ký và đăng ký tài sản này tại các báo cáo định kỳ của Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát, đồng thời gửi thông báo bằng văn bản cho Ban đại diện Quỹ.

Trường hợp là loại tài sản không có đăng ký sở hữu, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông hoặc các tổ chức tương đương khác về khối lượng, giá trị tài sản của quỹ, bảo đảm việc lưu ký tài sản tuân thủ quy định hiện hành.

Trường hợp là tiền gửi ngân hàng, Ngân hàng Giám sát có quyền và trách nhiệm yêu cầu Công ty Quản lý quỹ cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi của quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm định kỳ hàng tháng đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị

các hợp đồng tiền gửi với các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ.

- (c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
 - (d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - (e) Giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán và Điều lệ này;
 - (f) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do Công ty Quản lý quỹ lập.
2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với Công ty Quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
 4. Ngân hàng Giám sát có quyền yêu cầu Công ty Quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ đầu tư để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công ty Quản lý quỹ.
 5. Trường hợp Công ty Quản lý quỹ không tiến hành thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế quỹ theo quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát gửi thông báo cho Công ty Quản lý quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng Giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản lý quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ quỹ.
 6. Trường hợp Công ty Quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ, Nhà đầu tư theo quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC và các quy định khác có liên quan, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý quỹ. Ngân hàng Giám sát liên đới cùng với Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Điều 42. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - (a) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
 - (b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát;
 - (c) Quỹ hết thời gian hoạt động; bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - (d) Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư của quỹ;
 - (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng Giám sát khác, ngân hàng lưu ký khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII **CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty Quản lý quỹ được phép ủy quyền đối với các dịch vụ dưới đây:

1. Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:
 - Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
 - Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
 - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
 - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý quỹ.
2. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:
 - Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ;
 - Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số Chứng chỉ Quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có
 - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính;
 - Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư;
 - Duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
 - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
 - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý quỹ.

Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.
Tổ chức được Công ty Quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.
2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.
Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định.

Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền:

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các qui định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:

(a) Đối với dịch vụ quản trị

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý quỹ.

(b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư;
- Duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công ty Quản lý quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu:

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà đầu tư và đối tác của Công ty Quản lý quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản lý quỹ.

Điều 46. Trách nhiệm của Công ty Quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản lý quỹ đối với quỹ;
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền, bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền;
3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an

toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ; Công ty Quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;

4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
5. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
6. Công ty Quản lý quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư;
7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - (a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình ;
 - (b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
 - (c) Theo đề nghị của Công ty Quản lý quỹ;
 - (d) Theo đề nghị của Đại hội Nhà đầu tư;
 - (e) Quỹ bị giải thể;
 - (f) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - (g) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - (h) Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi Tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công ty Quản lý quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai Tổ chức có xác nhận của Công ty Quản lý quỹ.

Chương IX ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 48. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng và ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công ty Quản lý quỹ. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Công ty Quản lý quỹ được thực hiện hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ do mình quản lý. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cập nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, Công ty Quản lý quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản,

phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ.

2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ mở.
3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh (late trading), ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ (market timing) theo thông lệ quốc tế.
4. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

Điều 49. Hoạt động của đại lý phân phối

1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:
 - (a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
 - (b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà đầu tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
 - (c) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của Nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
 - (d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà đầu tư; cung cấp cho Nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản lý quỹ;
 - (e) Hỗ trợ Công ty Quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà đầu tư;
 - (f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà đầu tư và các giao dịch của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.
2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, Công ty Quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký không được làm đại lý ký danh; phải tách bạch việc phân phối Chứng chỉ Quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; chỉ được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã

thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư.

- Đại lý ký danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

- Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà đầu tư.
- Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ quỹ và bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ, chiến lược đầu tư của quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường
- Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà đầu tư.
- Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của Nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất cứ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ. Đại lý phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi Nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mại. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ.
Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản lý quỹ.
- Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản lý quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản lý quỹ.
- Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân

phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

10. Phương tiện để đại lý phân phối thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.
11. Khi thực hiện phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên môi trường mạng, đại lý phân phối phải đảm bảo:
 - a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
 - b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;
 - c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;
 - d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn của nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ;
 - đ) Đảm bảo Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối;
 - e) Tuân thủ hoạt động phân phối quy định tại khoản 1 Điều 49, khoản 5 và khoản 6 Điều này.
 - g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này cho Nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho Nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này;
 - h) Đảm bảo Nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo Nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo Nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.
12. Công ty Quản lý quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách đại lý phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối.

Chương X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 51. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Công ty Quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.
2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
3. Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư
4. Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.

Điều 52. Năm tài chính

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch

hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.

2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 53. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 54. Báo cáo tài chính

1. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Báo cáo tài chính bán niên /Các báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công ty Quản lý quỹ để Nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 55. Báo cáo khác

Công ty Quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XI PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 56. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ
2. Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ do Công ty Quản lý quỹ thực hiện hoặc do Tổ chức được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền lập và phải có xác nhận của Ngân hàng Giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý quỹ chấp thuận. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng. Trong thời hạn quy định, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát (trong trường hợp Ngân hàng Giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát cùng ký xác nhận.
3. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định hàng ngày vào các ngày làm việc và ngày đầu tiên mỗi tháng. Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá đối với kỳ định giá ngày.
4. Công ty Quản lý quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám

sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.

- Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định của chế độ kế toán Quỹ mở. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ.

Điều 57. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

- Ngày định giá:

Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ, ngày nghỉ lễ, tết, các ngày làm việc bù vào ngày thứ 7 và/hoặc chủ nhật, ngày nghỉ bù theo quy định pháp luật thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Trường hợp Công ty Quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì Công ty Quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

- Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ tại ngày trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có biến động bất thường theo quy định tại Điều lệ quỹ, Sổ tay Định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).

Ngân hàng Giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định giá tài sản ròng (bao gồm tổng tài sản và tổng nợ phải trả) của Quỹ đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ.

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
3.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo phương pháp định giá là giá Reuters (lấy theo giá Bid) gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá Reuters (giá Bid) nhiều hơn 90 ngày trước ngày định giá hoặc trong các tình huống thị trường có nhiều biến động Công ty Quản lý quỹ sẽ đưa ra giá tham chiếu phù hợp nhất và trình Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.
Trái phiếu		

C. 7
T. Y
: AN
Y. OU
T. U
CAP
NAN
P. Y

T. Y
: AN
Y. OU
T. U
CAP
NAN
P. Y

<p>5. Trái phiếu niêm yết/ Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ giao dịch tập trung trên Sở giao dịch chứng khoán</p>	<p>- Giá yết bình quân (giá sạch) cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. Trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc • Giá yết bình quân trên có nhiều biến động bất thường quá $\pm 0,5\%$ so với giá tham chiếu được xác định theo phương pháp định tại mục ghi chú (*), <p>Thì giá của trái phiếu là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá tham chiếu tại mục (*) cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ /Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. <p>(*) Giá tham chiếu sẽ theo các cách thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➢ <u>Trái phiếu chính phủ:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trái phiếu chính phủ (giá sạch) được xác định theo phương pháp định giá là giá Reuters (lấy theo giá Bid) gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá. - Trong trường hợp không có giá Reuters (giá Bid) nhiều hơn 90 ngày trước ngày định giá; hoặc trong các tình huống thị trường có nhiều biến động, Công ty Quản lý quỹ sẽ dùng giá Bloomberg (giá Bid), hoặc giá Finpro, hoặc giá mua gần nhất. ➢ <u>Trái phiếu doanh nghiệp:</u> <ul style="list-style-type: none"> ○ Trái phiếu doanh nghiệp thông thường (trái phiếu trơn): có thể được áp dụng một trong các cách sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giá sạch là giá được xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền dựa trên lợi suất là tổng của lãi suất tham chiếu (lãi suất tiền gửi trung bình kỳ hạn 12 tháng tại ngày gần nhất trước ngày định giá của 4 ngân hàng thương mại nhà nước) và Chênh lệch lợi suất điều chỉnh - Giá sau khi đã phân bổ chênh lệch giữa mệnh giá với giá mua (chiết khấu/ phụ trội) đối với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ và sau khi loại trừ toàn bộ phần giá trị đã được phân bổ chiết khấu/ phụ trội đến kỳ định giá liền trước của số lượng chứng khoán bán trong kỳ. - Giá quan sát được của trái phiếu tính chất tương ứng về lãi suất, thời gian đến hạn còn lại... trên thị trường trong và ngoài nước - Trong các tình huống thị trường có biến động khác, Công ty Quản lý quỹ sẽ đưa ra giá tham chiếu phù hợp nhất và trình Đại hội Nhà đầu tư thông qua. <p>Ban đại diện Quỹ sẽ xác định cách áp dụng cụ thể cho từng thời điểm và ghi nhận trong Sổ tay định giá của quỹ.</p> <p>Trường hợp trái phiếu trong giai đoạn từ khi đấu thầu thành công đến khi được niêm yết hoặc trái phiếu trong quá trình chờ</p>
---	--

		<p>niêm yết (đối với trái phiếu phát hành ra công chúng) hoặc chờ lên sàn giao dịch tập trung (đối với trái phiếu phát hành riêng lẻ), giá trái phiếu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết/ hủy đăng ký giao dịch vì lý do gần đến ngày đáo hạn thì giá được xác định bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do tổ chức phát hành mua lại trước hạn thì giá được xác định giá sạch được tổ chức phát hành cam kết mua lại cộng lãi lũy kế. Các trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do khác thì phương pháp xác định giá sẽ được Ban đại diện Quỹ thông qua theo từng trường hợp cụ thể.</p>
6.	Trái phiếu không niêm yết	<p>Giá yết (Giá sạch) trên các hệ thống báo giá hoặc giá sạch trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp có một (01) tổ chức báo giá không xác định được giá thì giá trái phiếu là giá sạch trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá tại ngày gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá; hoặc - Có đủ báo giá nhưng có từ hai (02) đến ba (03) tổ chức báo giá không xác định được giá; <p>thì giá của trái phiếu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế.</p>
7.	Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Việc xác định giá sẽ được Ban đại diện Quỹ phê duyệt khi có phát sinh.
Trái phiếu chuyển đổi		
8.	Trái phiếu niêm yết/ Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ giao dịch tập trung trên Sở giao dịch chứng khoán	<p>- Giá yết bình quân (giá sạch) cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. Trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc • Giá yết bình quân trên có nhiều biến động bất thường quá $\pm 0,5\%$ so với giá tham chiếu được xác định theo phương pháp định tại mục ghi chú (**), <p>thì giá của trái phiếu chuyển đổi là giá tham chiếu tại mục (**) cộng lãi lũy kế.</p> <p>(**) Giá tham chiếu của trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi sẽ được xác định theo nguyên tắc là tổng giá trị trái phiếu trơn và giá trị quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá trị phần trái phiếu trơn (giá sạch) được xác định bằng mệnh giá (ii) Giá trị quyền chọn được xác định theo Black-Scholes Model hoặc Binomial Tree Model (trong trường hợp có các điều khoản chuyển đổi phức tạp)

		<p>Trường hợp trái phiếu trong giai đoạn từ khi đấu thầu thành công đến khi được niêm yết hoặc trái phiếu trong quá trình chờ niêm yết (đối với trái phiếu phát hành ra công chúng) hoặc chờ lên sàn giao dịch tập trung (đối với trái phiếu phát hành riêng lẻ), giá trái phiếu được xác định là giá mua cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết/ hủy đăng ký giao dịch vì lý do gần đến ngày đáo hạn thì giá được xác định bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do tổ chức phát hành mua lại trước hạn thì giá được xác định giá sạch được tổ chức phát hành cam kết mua lại cộng lãi lũy kế. Các trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết vì lý do khác thì phương pháp xác định giá sẽ được Ban đại diện Quý thông qua theo từng trường hợp cụ thể.</p>
9.	Trái phiếu không niêm yết	<p>Giá yết (Giá sạch) trên các hệ thống báo giá hoặc giá sạch trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quý phê duyệt tại ngày gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp có một (01) tổ chức báo giá không xác định được giá thì giá trái phiếu là giá sạch trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá tại ngày gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>Trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá; hoặc - Có đủ báo giá nhưng có từ hai (02) đến ba (03) tổ chức báo giá không xác định được giá; <p>thì giá của trái phiếu chuyển đổi được xác định theo nguyên tắc là tổng giá trị trái phiếu trơn và giá trị quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu cộng lãi lũy kế, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giá trị phần trái phiếu trơn (giá sạch) được xác định bằng mệnh giá (ii) Giá trị quyền chọn được xác định theo Black-Scholes Model hoặc Binomial Tree Model (trong trường hợp có các điều khoản chuyển đổi phức tạp)
Cổ phiếu		
10.	<p>Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán; cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết.</p> <p>Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quý chấp thuận.

		- Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng trong quá trình làm thủ tục niêm yết.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở Giao Dịch Chứng Khoán	<p>Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; - Mệnh giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
14.	Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá (của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt) tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt; + Giá của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày trước ngày định giá; + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ của chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên website Công ty Quản lý quỹ đó;

		<p>hoặc trên Sổ giao dịch; hoặc trên website UBCKNN tại ngày gần nhất trước ngày định giá của Quý;</p> <p>+ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá;</p> <p>+ Giá mua (giá cost);</p>
16.	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá của Quý
17.	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sổ giao dịch chứng khoán	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ /Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
18.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sổ giao dịch chứng khoán như quy định tại điều này, thì giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày/giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được VSDC công bố trên trang thông tin điện tử của VSDC tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
19.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.
20.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết tại mục ghi chú 3 dưới đây.
Chứng quyền có bảo đảm		
21.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sổ giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, theo quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sổ giao dịch chứng khoán) của ngày giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá; + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
22.	Các tài sản được phép đầu tư khác	<p>Tùy theo từng trường hợp cụ thể, giá của các tài sản sẽ được xác định một cách phù hợp theo một trong các phương pháp sau đây:</p> <p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do</p>



		ít nhất 02 (hai) tổ chức báo giá cung cấp; hoặc theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận
23.	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

Ghi chú 1: Các thuật ngữ chung

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương
- Lãi suất trung bình tiền gửi 12 tháng là trung bình lãi suất được công bố bởi bốn Ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước (Agribank, BIDV, Vietcombank, Vietinbank).
- Trái phiếu trơn (Clean bond) là loại trái phiếu thông thường, không đi kèm các quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.
- Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành chứng khoán vốn, cụ thể là cổ phiếu theo quyết định của trái chủ

Ghi chú 3: Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng Giám sát và được Ban đại diện Quỹ

		chấp thuận
--	--	------------

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty Quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ (NAV/ccq) bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá, và được lấy đến 2 chữ số thập phân.

Điều 58. Quy trình định giá tài sản quỹ

1. Trước ngày định giá:

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm :

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí liên quan đến quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi;
- Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thường phát sinh liên quan đến chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ sẽ được ghi nhận vào ngày giao dịch không hưởng quyền;
- Các nghiệp vụ phát hành thêm/ mua lại Chứng chỉ Quỹ phát sinh sau ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ của kỳ trước;
- Thực hiện đối chiếu số dư tại ngân hàng lưu ký giám sát.

2. Tại ngày định giá:

- Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi, lãi trái phiếu... tính đến ngày trước ngày định giá;
- Trích lập các khoản dự chi như chi phí quản lý, chi phí ngân hàng lưu ký giám sát, chi phí đại lý chuyển nhượng (nếu có), chi phí quản trị quỹ (nếu có) và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước ngày định giá;
- Đối chiếu số dư tiền mặt tại ngân hàng lưu ký giám sát;
- Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở GDCK Hà Nội, Hồ Chí Minh, thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước ngày định giá;
- Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ theo quy định tại điều 56 Điều lệ này.

Điều 59. Đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ

Quỹ, Nhà đầu tư được đền bù thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của Quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt từ 1% giá trị tài sản ròng trở lên.

1. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:

- Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và đã bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ Nhà đầu tư đã bán. Chi phí đền bù cho Nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ;
- Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện vẫn còn đang lưu hành. Chi phí đền bù cho

Quý được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý quỹ;

2. Trong trường hợp Quý bị định giá cao, mức đền bù cho Quý và cho Nhà đầu tư được xác định như sau:
 - (a) Đối với Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quý trong thời gian Quý bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quý bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ Nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho Nhà đầu tư được hạch toán vào Quý;
 - (b) Đối với Quý: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quý đã phát hành ra trước thời gian Quý bị định giá sai và Quý đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quý được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty Quản lý quỹ.

Điều 60. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Công ty Quản lý quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quý. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - (a) Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
 - (b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
 - (c) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
2. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:
 - (a) Tổ chức cung cấp báo giá đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
 - (b) Tổ chức cung cấp báo giá đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công ty Quản lý quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
 - (c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

Chương XII THU NHẬP VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 61. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, theo quy định pháp luật.

Điều 62. Phân phối lợi nhuận

1. Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quý sẽ không phân phối lợi nhuận.
2. Toàn bộ lợi nhuận của Quý phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quý.

Chương XIII GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 63. Các loại giá dịch vụ do Nhà đầu tư trả

1. Giá dịch vụ phát hành Chứng chỉ Quý

- (a) Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả cho Công ty Quản lý quỹ khi mua một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) Chứng chỉ Quỹ.
- (b) Giá dịch vụ phát hành không vượt quá hai phần trăm (2%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối.
- (c) Giá dịch vụ phát hành này được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng Chứng chỉ Quỹ được phân phối.
- (d) Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

2. Giá dịch vụ mua lại

- (a) Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả cho Công ty Quản lý quỹ khi bán một đơn vị quỹ tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho Nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.
- (b) Giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ không vượt quá hai phần trăm (2%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối.
- (c) Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ được xác định theo nguyên tắc “mua trước bán trước” (FIFO).
- (d) Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

3. Giá dịch vụ chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty Quản lý quỹ quản lý

- (a) Nhà đầu tư phải trả giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho Công ty Quản lý quỹ khi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công ty Quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch.
- (b) Nhà đầu tư không phải trả giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ.
- (c) Giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá hai phần trăm (2%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố tại bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối.
- (d) Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công ty Quản lý quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

4. Giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại: Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng không phải thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại cho Công ty Quản lý quỹ.

Điều 64. Các loại giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

- (a) Giá dịch vụ quản lý là 1.60%NAV/năm. Giá dịch vụ này được trả cho Công ty Quản lý quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ. Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý sẽ được Công ty Quản lý quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng giá dịch vụ quản lý quỹ và các giá dịch vụ khác mà Quỹ chi trả cho Công ty Quản lý quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật. Công ty Quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo mức giá dịch vụ áp dụng khi có sự thay đổi với Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát, đồng thời cập nhật trong Bản cáo bạch định kỳ gần nhất của Quỹ.
- (b) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

(c) Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

(d) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản lý được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

2. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát

(a) Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

(b) Giá dịch vụ giám sát là **0,04% NAV/năm**.

(c) Giá dịch vụ lưu ký tối đa là **0,04% NAV/năm**. Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là tối đa 100.000 đồng/giao dịch.

(d) Mức giá dịch vụ trên không bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có), các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v....

(e) Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký tối đa đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật (nếu có).

(f) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

(g) Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

(h) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ giám sát, lưu ký được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

(a) Giá dịch vụ quản trị quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

(b) Giá dịch vụ quản trị quỹ tối đa là **0,03% NAV/năm** (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

(c) Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện

trong tháng.

- (d) Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- (e) Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- (f) Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

Tổng giá dịch vụ Giám sát, Lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng và chi tiết các khoản được quy định cụ thể trong hợp đồng dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ.

4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- (a) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác.
- (b) Công thức tính giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:
Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá
- (c) Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty Quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Ngoài ra, Quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Tuỳ từng thời điểm, Công ty Quản lý quỹ có thể thay đổi mức giới hạn tỷ lệ tổng chi phí hoạt động của các Quỹ ("TERo") (sau khi trừ các chi phí liên quan tới giao dịch đầu tư) nhằm mục đích hỗ trợ tốt nhất cho Nhà đầu tư. Chi tiết mức giới hạn TERo (nếu có) và hiệu lực áp dụng sẽ được cập nhật trong Bản cáo bạch của Quỹ và được công bố trên website của Công ty Quản lý quỹ.

Điều 65. Chi phí của quỹ

Là các chi phí do Quỹ chi trả, bao gồm:

1. Chi phí quản lý tài sản phải trả cho Công ty Quản lý quỹ;
2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát;
3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí hợp lệ khác mà Công ty Quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
4. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
5. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
6. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban đại diện Quỹ;

7. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;
8. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
9. Chi phí sửa đổi Điều lệ quỹ vì quyền lợi của Nhà đầu tư;
10. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
11. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
12. Chi về bảo hiểm (nếu có);
13. Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
14. Thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
15. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật;
16. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, Ngân hàng Giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;
17. Giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);
18. Công ty Quản lý quỹ và đại lý phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ.
19. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty Quản lý quỹ sẽ thay mặt Quỹ để thực hiện ký kết các hợp đồng dịch vụ hợp lý hợp lệ cho Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.

Chương XIV TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 66. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

Điều 67. Các điều kiện tách quỹ

1. Việc tách quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:
 - (a) Công ty Quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - (b) Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết.
2. Việc tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

Điều 68. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Công ty Quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Quản lý quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công ty Quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - (b) Công ty Quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công ty Quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty Quản lý quỹ;

- (c) Ngân hàng Giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Giám sát bị thu hồi mà không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - (d) Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quý mà không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng Giám sát;
 - (e) Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;
 - (f) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
2. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XV

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 69. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quý và các Quý khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý quỹ và giữa Quý và Công ty Quản lý quỹ

1. Công ty Quản lý quỹ phải:
 - (a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý;
 - (b) Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý quỹ với tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý, tài sản của Nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty Quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý quỹ.

Chương XVI

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 70. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quý sẽ được công ty Quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện Quý được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện Quý nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện Quý đã thông báo cho Quý.
3. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của quỹ hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty Quản lý quỹ và hệ thống đại lý phân phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà đầu tư.
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quý hoặc người điều hành của Quý có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quý đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quý hay người điều hành quỹ nhận.
5. Công ty Quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 71. Thay đổi điều lệ

Điều lệ này chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư. Sau khi sửa đổi, bổ

sung Điều lệ trong trường hợp này, Công ty Quản lý quỹ phải thông báo cho Nhà đầu tư biết về những nội dung sửa đổi, bổ sung và cập nhật vào Điều lệ quỹ.

Điều 72. Đăng ký điều lệ

1. Bản Điều lệ này bao gồm 16 Chương, 72 Điều và 03 Phụ lục sẽ có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quý.
2. Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quý cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý quỹ thì mới có giá trị.
3. Điều lệ này được lập thành 04 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:
 - 01 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
 - 02 bản lưu tại văn phòng của Quý.
 - 01 bản lưu tại văn phòng của Công ty Quản lý quỹ.

Điều 73. Điều khoản thi hành

Quý được chính thức thành lập sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy đăng ký lập Quỹ. Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

- PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
- PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
- PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Làm tại TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Họ và tên: Lê Anh Tuấn

Phụ Lục 1. CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302991607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 08/01/2009 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Điện thoại: (28) 38251488

Fax: (028) 38251489

Website: www.dragoncapital.com.vn

Công ty Quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quý:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ;
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quý, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quý luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm;
4. Trả cho Ngân hàng Giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng Giám sát các thông tin sau:
 - 5.1 Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
 - 5.2 Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quý;
 - 5.3 Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quý, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
 - 5.4 Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác;
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu;
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty Quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép;
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư;
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu;
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân hàng Giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu;
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư;
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;

14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát không thống nhất;
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Họ và tên: Lê Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

Phụ Lục 2. CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm)

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Ngân hàng Giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm;
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát;
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát;
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư; và
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)



Phụ Lục 3. CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302991607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 08/01/2009 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Số Giấy phép thành lập và hoạt động số 56/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 27/11/2023, được cấp đổi cho Giấy phép số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008 cùng các văn bản chấp thuận có liên quan việc sửa đổi bổ sung Giấy phép (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/5/2015 (và các bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm).

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư;
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/ vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn;
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ quỹ hoặc Bản cáo bạch.

TỔNG GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

**NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN
STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)**

Họ và tên: Lê Anh Tuấn